



QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

1. CC: chăm chỉ
2. ĐCHV: điều chỉnh hành vi
3. GD&ĐT: Giáo dục và Đào tạo
4. GDCD: giáo dục công dân
5. GQVĐ: giải quyết vấn đề và sáng tạo
6. GT-HT: giao tiếp và hợp tác
7. GV: giáo viên
8. HS: học sinh
9. NA: nhân ái
10. PTBT: phát triển bản thần
11. SGK: sách giáo khoa
12. SGV: sách giáo viên
13. THCS: trung học cơ sở
14. TC-TH: tự chủ, tự học
15. TH-TG: tìm hiểu, tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội
16. TN: trách nhiệm
17. TT: trung thực
18. YN: yêu nước



Sách giáo viên *Giáo dục công dân 6* là tài liệu dùng cho các thầy cô dạy môn Giáo dục công dân 6, biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018.

Sách được biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh thông qua việc gắn kết kiến thức với thực tiễn và cách tồ chức hoạt động cho học sinh trong quá trình dạy học. Sách gổm hai phần:

Phần một: *Những vấn để chung*

Hướng dẫn và định hướng giáo viên về: mục tiêu, nội dung chương trình môn Giáo dục công dân cấp Trung học cơ sở và yêu cấu đối với môn Giáo dục công dân lớp 6; tài liệu và phương tiện dạy học; phương pháp dạy học; phương pháp kiểm tra, đánh giá môn Giáo dục công dân lớp 6.

Phần hai: *Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể*

Hướng dẫn giáo viên xác định mục tiêu bài học; chuẩn bị thiết bị dạy học và học liệu cho bài học; hướng dẫn các hoạt động dạy học chủ yếu trong các bài cụ thể.

Trên cơ sở những hướng dẫn này, các thầy cô có thể vận dụng linh hoạt và sáng tạo để tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và đối tượng học sinh.

Hi vọng cuốn sách là tài liệu hướng dẫn dạy học hữu ích, giúp quý thầy, cô đổi mới dạy học môn Giáo dục công dân 6 một cách hiệu quả. Mặc dù các tác giả đã rất cố gắng nhưng cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế nhất định. Kính mong quý thầy, cô góp ý để sách được cập nhật và không ngừng hoàn thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu dạy - học môn Giáo dục công dân của giáo viên và học sinh.



**PHẨN MỘT:** NHỮNG VẤN ĐẾ CHƯNG 5

1. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN CẤP TRƯNG HỌC Cơ SỞ VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6 5
2. [TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6 11](#bookmark14)
3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6 16
4. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6.. 20

**PHẨN HAI:** HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI cụ THỂ 25

[Bài 1: Tự hào vê' truyền thống gia đình, dòng họ 25](#bookmark26)

[Bài 2: Yêu thương con người 30](#bookmark41)

[Bài 3: Siêng năng, kiên trì 36](#bookmark49)

[Bài 4: Tôn trọng sự thật 40](#bookmark66)

[Bài 5: Tự lập 44](#bookmark83)

Bài 6: Tự nhận thức bản thân 51

Bài 7: ứng phó với tình huống nguy hiểm 58

Bài 8: Tiết kiệm 64

Bài 9: Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 70

Bài 10: Quyển và nghĩa vụ cơ bản của công dân 74

Bài 11: Quyền cơ bản của trẻ em 79

Bài 12: Thực hiện quyến trẻ em 86



NHỮNGVẤN ĐỄ CHUNG

MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN CẤP TRUNG HỌC Cơ SỞ VÀ YÊU CẦU ĐÓI VỚI MÒN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6

1. Mục tiêu dạy học môn Giáo dục công dân cáp Trung học cơ sở

Môn GDCD cấp THCS giúp HS:

* Có hiểu biết vê' những chuẩn mực đạo đức, pháp luật cơ bản và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực đó; tự hào vế truyền thống gia đình, quê hương, dân tộc; tôn trọng, khoan dung, quan tâm giúp đỡ người khác; tự giác, tích cực học tập và lao động; có thái độ đúng đắn, rõ ràng trước các hiện tượng, sự kiện trong đời sống; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, công việc và môi trường sống.
* Có tri thức phổ thông, cơ bản vê' đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật; đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè và người thân điếu chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; thực hiện được các công việc để đạt mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân; biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh, thích ứng với xã hội biến đổi và giải quyết các vấn để đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc của cộng đổng, quy định của pháp luật và lứa tuổi.

Vê' phẩm chất: Môn GDCD góp phần hình thành ở HS các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Về năng lực: Cùng với việc hình thành những năng lực chung, môn GDCD hình thành và phát triển ở HS những năng lực đặc thù: năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.

1. Nội dung chương trình môn Giáo dục công dân

Chương trình môn GDCD được xây dựng theo bốn mạch kiến thức:

* Giáo dục đạo đức;
* Giáo dục kĩ năng sống;
* Giáo dục kinh tế;
* Giáo dục pháp luật.

Nội dung các mạch kiến thức này được phân phối với 35% thời lượng dành cho giáo dục đạo đức, 20% dành cho giáo dục kĩ năng sống, 10% dành cho giáo dục kinh tế, 25% dành cho giáo dục pháp luật và 10% dành cho kiểm tra, đánh giá. (Xem bảng phân phối chương trình môn GDCD cấp THCS)

Nội dung khái quát môn GDCD cấp THCS

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | | **Lớp 6** | **Lớp 7** | **Lớp 8** | **Lớp 9** |
| **GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC (35%)** | Yêu nước | 1. Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ | 1. Tự hào vế truyền thống quê hương | 1. Tự hào về truyển thống dân tộc Việt Nam | 1. Sống có lí tưởng |
| Nhân ái | 2. Yêu thương con người | 2. Quan tâm, cảm thông và chia sẻ | 2. Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc | 2. Khoan dung |
| Chăm chỉ | 3. Siêng năng, kiên trì | 3. Học tập tự giác, tích cực | 3. Lao động cần cù, sáng tạo | 3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đổng |
| Trung thực | 4. Tôn trọng sự thật | 4. Giữ chữ tín | 4. Bảo vệ lẽ phải | 4. Khách quan và công bằng |
| Trách nhiệm | 5. Tự lập | 5. Bảo tồn  di sản văn hoá | 5. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên | 5. Bảo vệ hoà bình |
| **GIÁO DỤC Kĩ NĂNG SỐNG (20%)** | Kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân | 6. Tự nhận thức bản thân | 6. ứng phó với tâm lí căng thẳng | 6. Xác định mục tiêu cá nhân | 6. Quản lí thời gian hiệu quả |
| Kĩ năng tự vệ | 7. ứng phó với tình huống nguy hiểm | 7. Phòng, chống bạo lực học đường | 7. Phòng, chống bạo lực gia đình | 7. Thích ứng với thay đổi |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **GIÁO DỤC KINH TỂ (10%)** | Hoạt động tiêu dùng | 8. Tiết kiệm | 8. Quản lí tiến | 8. Lập kê hoạch chi tiêu | 8. Tiêu dùng thông minh |
| **GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (25%)** |  | 9. Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 9. Phòng, chống tệ nạn xã hội | 9. Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại | 9. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí |
|  | 10. Quyền trẻ em | 10. Quyển và nghĩa vụ của công dân trong gia đình | 10. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dằn | 10. Quyến tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuê |

1. Yêu cầu đối với môn Giáo dục công dân lớp 6
2. *Yêu câu chung*

Láp 6 là lớp đầu tiên của cấp THCS nên việc dạy học môn GDCD lớp 6 góp phần thực hiện mục tiêu chung của bộ môn ở cấp THCS, phù hợp với đối tượng HS lớp 6, đảm bảo những yêu cầu sau:

* Nội dung môn GDCD lớp 6 cần kế thừa và phát triển kết quả dạy học môn Đạo đức ở cấp Tiểu học và chuẩn bị cho các em học lên lớp trên.
* Các nội dung đạo đức, pháp luật, kinh tế và kĩ năng sống ở lớp 6 góp phần giáo dục toàn diện nhân cách HS, giúp các em biết ứng xử để giải quyết các mối quan hệ thường ngày phù hợp với yêu cầu của xã hội và sự phát triển của bản thân. Những nội dung giáo dục ở đây cần đảm bảo thiết thực, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, gần gũi với cuộc sống.
* Việc tổ chức dạy học môn GDCD cần hình thành ở HS cảm xúc, niềm tin đạo đức vì đó là động cơ bên trong giúp các em tự hoàn thiện, tự điếu chỉnh để vươn tới cái chân, thiện, mĩ trong cuộc sống. Đây là yêu cầu có tính đặc thù của môn GDCD so với các môn học khác, cũng là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.
* Phương pháp dạy học môn GDCD yêu cầu không chỉ là truyền thụ tri thức mà còn phải hình thành tình cảm, niềm tin đạo đức, pháp luật và nhất là hình thành hành vi, thói quen đạo đức, pháp luật ở mỗi HS. Cần tránh lối dạy thiên về lí thuyết khô khan, xa rời thực tiễn; Tồ chức các hoạt động học tập cần đa dạng, qua hoạt động để khai thác nhữngchất liệu cuộc sống và vốn kinh nghiệm đã có của bản thân HS, giúp các em thâu hiểu nội dung, rèn luyện thái độ, bổn phận, niềm tin, thực hành các chuẩn mực giá trị và mẫu hành vi tích cực mà bài học đặt ra.

1. *Yêu câu cẩn đạt đối với các chủ để bài học trong chương trình Giáo dục công dân lớp 6*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chủ đế/bài học** | **Yêu cầu cẩn đạt** | **Phẩm chất** | **Năng lực** | |
| **Năng lực chung** | **Năng lực đặc thù** |
| **1** | **Tự hào truyền thống gia đình dòng họ** | - Nêu được một số truyển thống gia đình, dòng họ. | TN, cc, YN, NA | TC-TH, GT-HT | ĐCHV, PTBT |
| - Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyển thống gia đình, dòng họ. |
| - Biết giữ gìn, phát huy truyền thống gia đinh, dòng họ. |
| **2** | **Yêu thương con người** | - Nêu được khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người. | YN, NA,  TN, cc | GT-HT, GQVĐ | ĐCHV, PTBT, TH-TG |
| - Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người. |
| - Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người. |
| - Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình thương yêu của người khác. |
| - Phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người. |
| **3** | **Siêng năng, kiên trì** | - Nêu được khái niệm, biểu hiện của siêng năng, kiên trì. | CC,TN, TT | TC-TH, GT-HT, GQVĐ | ĐCHV, PTBT |
| - Nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì. |
| - Siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày. |
| - Đánh giá được sựsiêng năng, kiên trì cùa bản thân và người khác trong học tập, lao động. |
| - Quý trọng những người siêng năng kiên trì; góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng hay nản lòng để khắc phục hạn chế này. |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **4** | **Tôn trọng sự thật** | - Nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sựthật | TT, TN | TC-TH, GT-HT, GQVĐ | ĐCHV, PTBT |
| - Hiểu vì sao phải tôn trọng sự thật. |
| - Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. |
| - Không đóng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật. |
| **5** | **Tự lập** | - Nêu được khái niệm tự lập. | YN, NA, CC,TN | TC-TH, GT-HT, GQVĐ | ĐCHV, PTBT, TH-TG |
| - Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập. |
| - Hiểu vì sao phải tự lập. |
| - Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác. |
| - Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đóng; không dựa dẫm, ỷ lại và phụ thuộc vào người khác. |
| **6** | **Tự nhận thức bản thân** | - Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân; biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân. | NA, cc, TN,TT | TC-TH,  GT-HT, GQVĐ | ĐCHV, PTBT, TH-TG |
| - Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân. |
| - Biết tôn trọng bản thân, xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu cùa bản thân. |
| **7** | **ứng phó với tình huống nguy hiểm** | - Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em. | NA, TT, TN | GT-HT, GQVĐ | ĐCHV, PTBT, TH-TG |
| - Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm. |
| - Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm để bảo đảm an toàn. |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **8** | **Tiết kiệm** | - Nêu được khái niệm và biểu hiện của tiết kiệm (tiển bạc, đó dùng, thời gian, điện, nước...). | cc, TN, TT | TC-TH, GT-HT, GQVĐ | ĐCHV, PTBT, TH-TG |
| - Hiểu vì sao phải tiết kiệm. |
| - Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập. |
| - Nhận xét, đánh giá được việc thực hành tiết kiệm của bản thân và những người xung quanh, phê phán những biểu hiện lãng phí. |
| **9** | **Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam** | - Nêu được khái niệm công dân. | YN, TN, cc | TC-TH, GT-HT, GQVĐ | ĐCHV, PTBT, TH-TG |
| - Căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xâ hội chủ nghĩa Việt Nam. |
| **10** | **Quyển và nghĩa vụ *cơ* bản của công dân** | - Nêu được quy định của Hiên pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ công dân. | TN,TT | GT-HT, GQVĐ | ĐCHV, PTBT, TH-TG |
| - Thực hiện được quyền và nghĩa vụ công dân phù hợp với lứa tuổi. |
| **11** | **Quyển cơ bản của trẻ em** | - Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em. | NA, cc, TN,TT | GT-HT, GQVĐ | ĐCHV, PTBT, TH-TG |
| - Nêu được ý nghĩa của quyến trẻ em và thực hiện quyển trẻ em. |
| **12** | **Thực hiện quyền trẻ em** | - Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyển trẻ em. | NA, cc, TN,TT | TC-TH, GT-HT, GQVĐ | ĐCHV, PTBT, TH-TG |
| - Phân biệt được hành vi thực hiện quyển trẻ em và hành vi vi phạm quyển trẻ em. |
| - Thực hiện tốt quyển và bổn phận cùa trẻ em. |
| - Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện quyền trẻ em của bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đóng; bày tỏ được nhu cẩu để thực hiện tốt quyển trẻ em. |

TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6

II

1. Sách giáo khoa Giáo dục công dân 6
2. *Về quan điểm biên soạn*

Việc biên soạn SGK GDCD 6 đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra, yêu cấu cần đạt và khung nội dung chương trình môn học ở lớp 6. Các nội dung biên soạn hướng đến hình thành, phát triển phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc trưng theo các mức độ phù hợp vởi môn học ở cấp THCS đã được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể. Việc biên soạn sách đảm bảo những nguyên tắc cơ bản:

* Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam; phù hợp với quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.
* Cụ thể hoá mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; đảm bảo tính liên thông giữa các cấp học, lớp học, môn học và hoạt động giáo dục. Nội dung biên soạn đảm bảo tích hợp nội môn (giữa giáo dục đạo đức - giáo dục kĩ năng sống - giáo dục kinh tế - giáo dục pháp luật) và tích hợp liên môn (Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Lịch sử và Địa lí, Ngữ văn); đảm bảo tính đa dạng văn hoá vùng miến thể hiện qua những câu chuyện, tình huống, hình ảnh, nhân vật trong SGK.
* Đảm bảo tính thực tiễn: Gắn với điếu kiện cụ thể của Việt Nam và phù hợp với xu thế giáo dục tiên tiến trên thế giói, đảm bảo tốt nhất lợi ích của người học. Nội dung biên soạn gắn với thực tiễn cuộc sống của HS. Các chất liệu biên soạn (hình ảnh, câu chuyện, tình huống, nhiệm vụ học tập,...) đều xuất phát từ chính cuộc sống của các em trong gia đình, nhà trường và xã hội.
* Đảm bảo tính khoa học: Sách được thiết kế dựa trên lí thuyết phát triển tâm lí HS THCS, quy trình dạy học trải nghiệm: từ kinh nghiệm rời rạc - Quan sát phân tích - Khái niệm hoá (quy luật mới) - Thử nghiệm, vận dụng tích cực; lí thuyết hệ thống sinh thái của Urie Bronfenbrenner, sử dụng kiến thức khoa học chuẩn xác, chọn lọc, phù hợp với sự phát triển lứa tuổi, hiện đại (có tính mở, cập nhật và tận dụng nguổn tài liệu số hoá), tính bến vững (hướng đến khuyến khích khả năng tự học và năng lực học tập suốt đời), tính hấp dẫn (đa dạng thông tin, hình ảnh chọn lọc, tiêu biểu và hình thức trình bày đẹp).
* Đảm bảo tính vừa sức: Trên cơ sở nghiên cứu sự phát triển tầm lí lứa tuổi, những người làm sách đã chú trọng yếu tố vừa sức trong cả kênh hình và kênh chữ, việc thiết kế các hoạt động dạy học luôn tính đến điểu kiện thực tế của GV, HS có thể thực hiện được.

1. *Về cấu trúc sách giáo khoa*

* Cấu trúc chung của SGK

SGK GDCD 6 thể hiện đầy đủ nội dung của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn GDCD, góm 10 chủ đề, cụ thể hoá thành 12 bài học như sau:

Bài 1: Tự hào vê' truyến thống gia đình, dòng họ

Bài 2: Yêu thương con người

Bài 3: Siêng năng, kiên trì

Bài 4: Tôn trọng sự thật

Bài 5: Tự lập

Bài 6: Tự nhận thức bản thân

Bài 7: ứng phó với tình huống nguy hiểm

Bài 8: Tiết kiệm

Bài 9: Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 10: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

Bài 11: Quyền cơ bản của trẻ em

Bài 12: Thực hiện quyền trẻ em

Các mạch nội dung trong sách được sắp xếp khoa học, hợp lí theo cấu trúc đồng tâm vê' các mối quan hệ (quan hệ giữa HS với bản thân, với gia đình, với nhà trường, cộng đồng và với môi trường tự nhiên) đổng thời bảo đảm tính phát triển trong nội dung của các lớp sau.

* Cấu trúc mỗi bài

Cấu trúc mỗi bài trong SGK được thiết kế thống nhất các hoạt động theo trình tự sau: - Khởi động: qua bài hát hoặc trò chơi, câu chuyện, tình huống, trải nghiệm của HS,... tạo hứng thú cho HS và liên hệ vào bài học.

* Khám phá: tìm hiểu, kết nối kinh nghiệm cá nhân với tình huống bài học qua quan sát tranh, nghe câu chuyện, đọc thông tin, xử lí tình huống,... qua đó giúp HS khám phá được nội dung kiến thức bài học.
* Luyện tập: tạo cơ hội cho HS luyện tập, sử dụng kiến thức, kĩ năng mới trong một số nhiệm vụ học tập, tình huống giả định để hiểu rõ hơn kiến thức bài học và rèn luyện các kĩ năng cần thiết.
* Vận dụng: tạo cơ hội cho HS vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học của bài học vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống của bản thân, gia đình và xã hội.

Sau phần Khám phá có mục chốt những kiến thức cô đọng để HS ghi nhớ các chuẩn hành vi.

1. *Về cách trình bày*

Dựa trên đặc điểm tâm sinh lí của HS THCS với cách tư duy nhận thức thiên vê' cụ thể, trực quan, khả năng kiểm soát cảm xúc còn hạn chế, SGK GDCD 6 đã kết hợp một cách khoa học kênh hình và kênh chữ trong quá trình thể hiện. Kênh hình được thể hiện với những hình ảnh chọn lọc phù hợp, những tình huống tiêu biểu mang nét đặc trưng đại diện vùng miền. Kênh chữ được diễn đạt ngắn gọn, dễ hiểu và gẩn gũi với HS.

Mỗi bài học được mở đầu bằng mục tiêu bài học và hoạt động Khởi động với những bài hát, trò chơi, câu chuyện, tình huống, trải nghiệm của HS,... tạo hứng thú cho HS và liên hệ vào bài học.



Trong mỗi bài học, các mục Khởi động, Khám phá, Luyện tập, Vận dụng đếu được thể hiện bằng những biểu tượng nhất quán để HS dễ nhận biết.

Hình thức thể hiện đa dạng với nhiếu màu sắc, hình ảnh, biểu tượng cho các hoạt động, tạo hứng thú học tập cho HS.

1. *Những điểm mới, khác biệt, hấp dẫn của sách giáo khoa Giáo dục công dán 6*

Với bốn mạch kiến thức: giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống, giáo dục kinh tế, giáo dục pháp luật cùng số lượng chuẩn hành vi tăng thêm song nội dung sách GDCD 6 vẫn thể hiện tập trung trong 12 bài với 10 chủ đế. Các chủ đế giáo dục pháp luật có nội dung lớn được thiết kế thành các bài học nhỏ đê’ HS tiện theo dõi. Các bài học gọn nhẹ, mang tính khám phá, gợi mở. Sách được xây dựng hướng tới phát triển khả năng tự học, kĩ năng công dân cho HS thông qua các nhiệm vụ học tập đa dạng và phong phú (như: đặt câu hỏi; phân tích truyện, tranh, tình huống, trường hợp; bày tỏ ý kiến khi xử lí tình huống, sắm vai; SƯU tầm tài liệu,...).

Sách được trình bày đẹp, màu sắc, tranh ảnh, cầu chuyện, tình huống,... hấp dẫn, thu hút người học, là công cụ đắc lực giúp các em học tập hiệu quả.

Sách như một phương tiện hỗ trợ và kết nối sự tham gia của gia đình vào quá trình giáo dục HS ở nhà. Các nội dung trình bày đủ, rõ ràng, dễ hiểu để cha mẹ có thể hướng dẫn con nhất quán với quá trình tổ chức dạy học của GV trên lớp.

1. Sách giáo viên

Đây là tài liệu hướng dẫn GV về mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp, phương tiện, tư liệu dạy học chung và từng bài trong chương trình.

Cấu trúc SGV GDCD 6 gồm hai phần chính:

*Phần một:* Những vấn đế chung

Phần này trình bày những nội dung chính sau:

* Mục tiêu môn học; Nội dung chương trình;
* Tài liệu, phương tiện dạy học;
* Phương pháp dạy học;
* Phương pháp kiểm tra, đánh giá.

*Phần hai:* Hướng dẫn dạy học các bài cụ thê’

Trong phần này, từng bài được trình bày theo cấu trúc:

* Tén bài, thời lượng;
* Mục tiêu bài học;
* Thiết bị dạy học và học liệu;
* Tiến trình dạy học;
* Đánh giá cuối bài.

*Cần lưu ý:* Những hoạt động, phương tiện dạy học trong từng bài chỉ có tính chất gợi ý. GV cẩn cụ thê’ hoá, linh hoạt, sáng tạo trong việc lựa chọn và vận dụng cho phù hợp với trình độ của HS và điều kiện của GV, phù hợp với hoàn cảnh cụ thê’ của địa phương.



1. Thiết bị, phương tiện dạy học

Trong bối cảnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục được Đảng và Nhà nước định hướng và chỉ đạo xuyên suốt tại Nghị quyết sổ 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khoá XI, Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25-01-2017 phê duyệt Đê' án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát triển các công cụ và học liệu điện tử giúp khai thác tối ưu giá trị của các bộ SGK nói chung và SGK GDCD 6 nói riêng. Cụ thể từ năm 2019, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giới thiệu hai nến tảng sách điện tử *Hành trang sô'* và *Tập huấn.* Hai nến tảng này cho phép người dùng truy cập phiên bản số hoá của SGK mới và các học liệu điện tử bám sát chương trình SGK, qua đó giúp phong phú hoá tài liệu dạy và học, đổng thời khuyến khích người dùng ứng dụng các công cụ công nghệ thông tin trong quá trình tiếp cận chương trình mới. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cam kết thực hiện việc hỗ trợ GV, cán bộ quản lí giáo dục, HS và phụ huynh HS trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử sử dụng hai nền tảng *Hành trang SỐ* và *Tập huấn.*

* *Hành trang số* là nền tảng sách điện tử của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, được truy cập tại tên miền *hanhtrangso.nxbgd.vn. Hành trang số* cung cấp phiên bản số hoá của SGK theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và cung cấp các học liệu điện tử hỗ trợ nội dung SGK và các công cụ hỗ trợ việc giảng dạy và học tập của GV và HS. *Hành trang số* bao gồm ba tính năng chính: Sách điện tử, Luyện tập và Thư viện.

+ Tính năng Sách điện tử cung cấp trải nghiệm đọc và tương tác phiên bản số hoá của SGK theo chương trình mới. Trong đó, *Hành trang số* tôn trọng trải nghiệm đọc sách truyền thống vói giao diện lật trang mềm mại, mục lục dễ tra cứu, đổng thời cung cấp các công cụ như: phóng to, thu nhỏ, đính kèm trực tiếp các học liệu bồ trợ lên trang sách điện tử, luyện tập trực quan các bài tập trong sách đi kèm kiểm tra, đánh giá,... Người dùng truy cập SGK mọi lúc mọi nơi, sử dụng đa dạng trên thiết bị điện thoại, máy tính bảng hay máy tính xách tay, phục vụ đổng thời việc giảng dạy trên lớp và việc tự học tại nhà.

+ Tính năng Luyện tập cung cấp trải nghiệm làm bài tập phiên bản số hoá đối với các bài tập trong SGK và sách bài tập của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Tính năng mang tới giao diện tối giản, thân thiện cùng các công cụ hỗ trợ hành vi tự luyện tập của người dùng như: Kiểm tra kết quả, Gợi ý - Hướng dẫn bài tập, Bàn phím ảo, tích hợp kết quả luyện tập với Biểu đồ đánh giá năng lực cá nhân. Bên cạnh hệ thống bài tập sắp xếp theo danh mục SGK, sách bài tập, *Hành trang số* đổng thời cung cấp hệ thống bài tập Tự kiểm tra - đánh giá bám sát chương trình SGK mới, giúp người dùng trải nghiệm thêm kho bài tập bồ trợ kiến thức trên lớp.

+ Tính năng Thư viện cung cấp hệ thống kho học liệu điện tử bồ trợ chương trình SGK mới. Tại đây, người dùng tiếp cận trực quan học liệu điện tử dưới ba định dạng chính: video, gif/ hình ảnh, âm thanh. Các học liệu điện tử được sắp xếp khoa học theo mục lục SGK và bám sát hình ảnh, chương trình, qua đó làm sinh động và phong phú hoá bài học. *Hành trang số* đổng thời cung cấp hệ thống Bài giảng tham khảo, gồm hai nội dung: Bài giảng dạng PowerPoint với các tương tác tham khảo được thiết kế sẵn, song hành cùng Kịch bản dạy học tham khảo. Qua đó, *Hành trang số* mong muốn hỗ trợ GV trong việc thiết kế bài giảng sử dụng học liệu điện tử.

* *Tập huấn* là nến tảng tập huấn GV trực tuyến của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, được truy cập tại tên miền: *taphuan.nxbgd.vn. Tập huấn* cung cấp tài liệu tập huấn GV với đa dạng nội dung và định dạng, nhằm hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận tài liệu tập huấn, hỗ trợ hướng dẫn giảng dạy chương trình SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học.

Đối với tài khoản GV: Tính năng lạp huấn cung cấp các khoá tập huấn đối với các môn học của các bộ SGK. Các khoá tập huấn đăng tải những tài liệu tập huấn do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam biên soạn dưới nhiều định dạng: PowerPoint, PDF/ Word, video,... và được phân loại theo các nhóm nội dung: Tài liệu tập huấn, Bài giảng tập huấn, Tiết học minh hoạ, Video tập huấn trực tuyến, Video hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học,... hỗ trợ thầy, cô giáo truy cập bất kì thời điểm nào trong năm học. Mỗi khoá tập huấn đăng tải Bài kiểm tra - đánh giá tương ứng, sau khi kết thúc khoá tập huấn, GV thực hiện Bài kiểm tra và hệ thống sẽ thực hiện việc chấm điểm tự động.

Đối với tài khoản cấp quản lí giáo dục (sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT, nhà trường): Tính năng Tài liệu bồ sung cho phép các cơ quan quản lí giáo dục đăng tải các tài liệu tập huấn bồ trợ của địa phương, qua đó các cấp dưới trực thuộc sẽ tiếp cận được nguồn tài nguyên này. Tính năng Thống kê cung cấp sổ liệu thống kê về thông tin định danh và kết quả tập huấn của GV trực thuộc, trong đó các số liệu được hệ thống thể hiện trực quan qua bảng biểu, biểu đổ và có thể trích xuất định dạng excel phục vụ công tác báo cáo của cấp quản lí giáo dục.

Ngoài hai trang *Hành trang sổ* và *Tập huấn,* Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã đăng tải các tài liệu tập huấn, các bộ SGK với đa dạng định dạng và nội dung như: Video tiết học minh hoạ, Tài liệu tập huấn (PDF, PowerPoint, Word), Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học, Bài kiếm tra - đánh giá, Video lớp học trực tuyến, SGK đầy đủ các môn học,... Các tài liệu được phần tách theo từng môn học, đảm bảo dễ tiếp cận và sử dụng tại bất kì thời điểm nào trong năm học.

* Đối với kho học liệu điện tử được đính kèm trên trang sách điện tử và được tổng hợp tại tính năng Thư viện, GV có thể tải về hoặc sử dụng trực tiếp nguồn học liệu dổi dào và bồ ích này đối với việc: biên soạn giáo án, chuẩn bị bài giảng điện tử; sử dụng làm tư liệu giảng dạy trực tiếp trên lớp cho tiết học sinh động, thú vị và hiệu quả; chia sẻ hoặc



tải vế thiết bị cá nhân. Qua đó, nguồn tài nguyên sẽ hỗ trợ trong việc mang đến hình ảnh sinh động, trực quan, thu hút sự chú ý của HS, nâng cao chất lượng bài giảng.

* Đối với kho bài tập tương tác từ SGK, SBT, *Hành trang số* cũng cung cấp bài tập Tự kiểm tra - đánh giá tại tính năng Luyện tập. Với nguồn bài tập phong phú này, GV có thể triển khai nhiểu hoạt động giảng dạy: mở trực tiếp bài tập trên nền tảng, hướng dẫn HS làm bài, tương tác, từ đó tổ chức các hoạt động nhóm, tạo không khí học tập trong lớp; giao bài tập vế nhà đê’ HS tự thực hành, ôn tập hoặc sử dụng đê’ kiểm tra bài cũ trước khi bắt đầu tiết học; tham khảo các dạng bài tập để đưa vào bài kiểm tra, đánh giá trên lớp.
* Đối với hệ thống bài giảng điện tử dạng slide PowerPoint song hành là kịch bản dạy học được cung cấp tại tính năng “Thư viện”, GV có thê’ tải trực tiếp về thiết bị cá nhân để trình chiếu giảng dạy trên lớp hoặc tham khảo, tự chỉnh sửa, sáng tạo bổ sung thêm đảm bảo phù hợp với phương pháp giảng dạy của cá nhân. Bài giảng điện tử đã được *Hành trang số* xây dựng hình ảnh và nội dung bám sát SGV và SGK.
* Ngoài ra, GV cũng được khuyến nghị sử dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ trên nền tảng *Hành trang số* kết hợp cùng máy trình chiếu, trong đó bao gồm các công cụ như: Luyện tập trực quan các bài tập đi kèm chấm điểm tự động; Đọc sách điện tử; Xem trực tiếp các học liệu bổ trợ được đính kèm trên trang sách điện tử,... Như vậy, GV có thê’ truy cập SGK mọi lúc mọi nơi với đa dạng các thiết bị: điện thoại, máy tính đê’ bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng; sử dụng trình chiếu trực tiếp trên lớp học; chủ động sử dụng nghiên cứu tại nhà, hỗ trợ cho quá trình biên soạn giáo án.

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÓN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6

III

1. Một sô quan điểm chung

Phương pháp dạy học GDCD lớp 6 chú trọng tổ chức, hướng dẫn cho HS khám phá, phân tích, khai thác các thông tin, xử lí các tình huống thực tiễn, các trường hợp điển hình. Tăng cường sử dụng các tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh hoạ đê’ các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả. Coi trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động trải nghiệm đê’ HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kĩ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó tự hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

Các phương pháp, kĩ thuật dạy học được áp dụng trong chương trình GDCD lớp 6 có sự kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyêìi thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học. Tăng cường sử dụng các phương pháp đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu gương công dân tiêu biểu; xử lí tình huống có tính thời sự vẽ đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sổng hằng ngày; sắm vai; dự án;...

1. Một sô phương pháp, hình thức dạy học

*a) Một số phương pháp, kĩ thuật dạy học cụ thể*

Có nhiều phương pháp dạy học khác nhau, tuy nhiên cuốn sách này chỉ giới thiệu một số phương pháp dạy học có ưu thế trong việc phát huy tính tích cực của HS trong dạy học GDCD.

1/ Phương pháp thảo luận nhóm

* Đặc điểm:

Đầy là một phương pháp được sử dụng rộng rãi nhằm giúp HS tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập, HS có thể chia sẻ kinh nghiệm, ý kiến hay đê’ giải quyết một vấn đế, một tình huống đạo đức, kinh tế, pháp luật, kĩ năng sống nào đó.

* Cách sử dụng:

+ GV giới thiệu chủ đề cuộc thảo luận.

+ Nêu các cầu hỏi có liên quan đến chủ đề.

+ Chia HS thành các nhóm, giao nhiệm vụ để các nhóm tiến hành thảo luận và ghi kết quả thảo luận ra giấy khổ lớn. Nếu không khí trầm tĩnh, có thể bắt đầu cuộc thảo luận bằng một câu chuyện hoặc một bức tranh gợi ý.

+ Cần khích lệ tất cả HS cùng tham gia đóng góp ý kiến, không nên chê bai một ý kiến nào.

+ “Nhóm trưởng” hoặc “thư kí” ghi chép các ý kiến.

+ Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp.

* Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:

+ Chủ đề thảo luận phải sát với nội dung bài học và trình độ HS.

+ Cách chia nhóm phải hết sức linh hoạt, luôn thay đổi để tạo điểu kiện cho mỗi HS được giao lưu với tất cả HS trong lớp, tránh chỉ giói hạn trong một nhóm cố định.

+ Kết quả thảo luận nhóm phải được trưng bày trên bảng hoặc xung quanh tường của lớp học.

+ Cử “nhóm trưởng”, “thư kí” nên luân phiên để từng HS đếu được rèn luyện các kĩ năng cần thiết.

2/ Phương pháp sắm vai

* Đặc điểm:

Sắm vai là phương pháp HS thực hành, “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật giả định.

* Phương pháp sắm vai có tác dụng:

+ Giúp HS thực hành những kĩ năng trong môi trường an toàn, được giám sát trước khi xảy ra các tình huống thực.

+ Tạo được hứng thú và chú ý đối với người học.

+ Tạo điều kiện làm nảy sinh óc sáng tạo của HS.

+ Khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của người học theo hướng định trước.

+ HS có thể thấy ngay tác dụng và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn.

- Cách sử dụng:

+ GV giới thiệu tình huống.

+ Các nhóm thảo luận, xây dựng “kịch bản” và phân công sắm vai.

+ Các nhóm lên sắm vai.

+ HS nhận xét, đánh giá.

+ GV chốt lại.

- Những điều cần lưu ý khi sử dụng:

+ Tính mục đích của tình huống phải thật rõ ràng.

+ Tình huống phải dễ sắm vai, không nên quá phức tạp.

+ Mọi HS đếu được tham gia vào quá trình thảo luận, xây dựng kịch bản, được sắm vai hoặc phục vụ cho việc sắm vai của các bạn trong nhóm. Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia.

+ Trong khi các nhóm thảo luận, GV phải đến từng nhóm, quan sát, lắng nghe; kịp thời phát hiện những khó khăn, lúng túng của HS để có sự hỗ trợ, giúp đỡ, điều chỉnh kịp thời.

3/ Phương pháp giải quyết vấn đế

-Đặc điểm:

Giải quyết vấn đề là cách thức hướng dẫn HS phát hiện ra vấn đề, xem xét, phân tích những hiện tượng đạo đức, pháp luật,... đang tổn tại và xác định cách giải quyết vấn đề đó. - Cách sử dụng:

+ Nêu ra một tình huống, một trường hợp chứa đựng mâu thuẫn trong thực tế cuộc sống cần giải quyết.

Ví dụ: Khi tồ chức luyện tập kiến thức bài “Tôn trọng sự thật”, GV nêu tình huống: “Hà tâm sự với Hùng vê' những mâu thuẫn, khó khăn trong gia đình mình và muốn Hùng không nói với ai. Gần đây, Hà học hành sa sút, bị cô giáo nhắc nhở. Hùng rất muốn nói sự thật vê' hoàn cảnh của Hà cho cô giáo biết để cô cảm thông và giúp đỡ. Nhưng Hùng băn khoăn không biết có nên nói không.”.

+ Đặt HS vào hoàn cảnh phải giải quyết vấn để: Sau khi nêu tình huống trên, GV đặt câu hỏi: Theo em, Hùng có nên nói với cô giáo vê' hoàn cảnh của Hà không? Vì sao? Nếu là Hùng, em sẽ làm gì?

+ Giúp HS tìm hiểu nguyên nhân sự vật, hiện tượng: Gợi cho HS phân tích tình huống trên, phân tích nguyên nhân vì sao Hùng băn khoăn khi muốn nói sự thật vê' hoàn cảnh của Hà với cô giáo.

+ Giúp HS nêu ra được các cách giải quyết vấn đê':

Trong tình huống trên, HS có thể nêu một số cách giải quyết vấn đề:

* Nói thật hoàn cảnh gia đình Hà với cô giáo và mong cô giúp đỡ.
* Tâm sự với Hà, cùng Hà tìm cách vượt qua khó khăn để học tập tốt.
* Động viên Hà nói cho cô biết hoàn cảnh gia đình mình và cố gắng vượt qua khó khăn, vươn lên trong học tập.

+ Quyết định chọn giải pháp tối ưu để giải quyết vấn đế.

* Những điếu cần lưu ý khi sử dụng:

+ Vân đê' được lựa chọn phải phù hợp với mục tiêu dạy học và gắn với thực tế.

+ Phải phát huy được suy nghĩ sáng tạo của HS.

+ Cách giải quyết vấn đế phải là giải pháp có lợi nhất.

+ Cần kết hợp với nhiều phương pháp dạy học khác.

4/ Phương pháp tổ chức trò chơi

* Đặc điểm:

Trò chơi là phương pháp có hiệu quả để thu hút sự tham gia của HS. Trong cuộc chơi, mọi HS đếu bình đẳng, đếu cố gắng thể hiện mình. Vì vậy, tồ chức trò chơi không chi là biện pháp tăng hứng thú học tập mà còn nâng cao sự chú ý, thay đồi trạng thái tâm lí mệt mỏi trong quá trình nhận thức, đổng thời là biện pháp rèn luyện kĩ năng ứng xử, giao tiếp, củng cố và phát triển khả năng tự tin của các em trong học tập, trong hoạt động xã hội.

* Tác dụng:

+ Tăng cường khả năng chú ý của HS.

+ Nâng cao hứng thú của người học, góp phần giảm mệt mỏi, căng thẳng trong học tập. + Tăng cường khả năng giao tiếp giữa HS với nhau và giữa GV với HS.

* Cách sử dụng:

+ Lựa chọn những trò chơi có nội dung phù hợp với nội dung bài học. GV và HS có thê’ dựa trên nội dung bài học đê’ sáng tạo ra trò chơi mới.

+ Thông qua trò chơi, GV gợi ý cho HS thảo luận, khai thác yêu cầu bài học.

* Những điểm cần lưu ý khi sử dụng:

+ Phải nắm rõ mục đích cuộc chơi như: chơi đê’ khởi động giới thiệu bài, đê’ thư giãn hay chuyên tải, củng cổ kiến thức,...

+ Phải nắm được quy tắc chơi và tôn trọng luật chơi.

+ Phải dễ tổ chức và thực hiện.

+ Sau khi chơi, GV cần tổng kết nói rõ HS đã học được gì thông qua trò chơi.

5/ Kĩ thuật kích thích tư duy

* Đặc điểm:

Kích thích tư duy là một kĩ thuật dạy học, dựa vào những hiểu biết sẵn có của HS, đặt ra một hệ thống câu hỏi gợi mở kích thích đê’ HS liên tưởng giữa điều đã biết với nội dung bài học, hình thành ở các em ý tưởng mói, đề xuất cách giải quyết những mâu thuẫn một cách hiệu quả.

* Cách sử dụng:

+ Qua một số câu hỏi gợi mở, GV nêu vấn đề cần được tìm hiểu trước HS cả lớp hoặc trước nhóm, đê’ HS suy nghĩ.

+ Khích lệ HS phát biểu và đóng góp ý kiến càng nhiều càng tốt.

+ Liệt kê tất cả các ý kiến phát biểu trên bảng hoặc giấy khổ lớn, không loại trừ một ý kiến nào, trừ trường hợp trùng lặp.

+ Phân loại các ý kiến.

* Làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ ràng và thảo luận sâu từng ý.
* Tổng hợp ý kiến của HS và hỏi xem các em còn thắc mắc hay bổ sung gì không.



- Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp này:

+ Phương pháp kích thích tư duy có thể dùng để lí giải bất kì một vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật nào, song đặc biệt phù hợp với các vấn đê' ít nhiều đã quen thuộc trong thực tế của HS.

+ Các ý kiến phát biểu nên ngắn gọn.

+ Tất cả các ý kiến đều được GV hoan nghênh, chấp nhận một cách khéo léo, tế nhị mà không cần phê phán đúng sai.

+ Cuối giờ thảo luận, GV nên tổng hợp lại để HS dễ hiểu.

*b) Hình thức tổ chức dạy học*

- GV giảng dạy môn GDCD lớp 6 cần kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: kết hợp dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học trong lớp với ngoài lớp, ngoài trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS.

Khi dạy học, GV cẩn hạn chế giảng giải quá nhiều, cần tạo điếu kiện cho HS được trải nghiệm hoạt động và chủ động chia sẻ ý kiến. GV đóng vai người định hướng, tồ chức, gợi mở, khích lệ, lắng nghe tích cực và tổng kết. GV đón nhận và phản hổi kết quả, qua đó hướng dẫn và khuyến khích HS chủ động kết hợp với quản lí lớp học linh hoạt, sử dụng kỉ luật tích cực, mở rộng, điếu chỉnh các hoạt động học tập một cách linh hoạt. Trong nội dung bài học, bên cạnh các năng lực chung và năng lực chuyên biệt, GV cần chú ý hướng dẫn HS rèn luyện các kỉ năng mềm như: lắng nghe, biểu cảm, chia sẻ, thuyết trình, hợp tác, tự nhận thức, ra quyết định,...

Thông qua các phương pháp giáo dục trên lớp, GV phát huy tối đa quyển được tham gia của HS đóng thời kết hợp với sự tham gia của phụ huynh vào quá trình giáo dục cho con ở nhà (ví dụ thông qua các nhiệm vụ thực hiện cùng gia đình,...).

PHƯƠNG PHÁP KIÊMTRA, ĐÁNH GIÁ MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÃN LỚP 6

IV

1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

1. *Mục đích*

Đánh giá là một khâu quan trọng của quá trình dạy học, nhằm cung cấp cho GV, HS, phụ huynh và các nhà quản lí thông tin vê' việc học tập của HS, biết được những điểm mạnh, sự tiến bộ của HS, cũng như những điểm cẩn được cải thiện; tạo cơ hội và thúc đẩy quá trình học tập của HS, tăng động lực và hứng thú học tập của HS. Những dữ liệu thu thập được trong quá trình đánh giá đồng thời là cơ sở thực tế để GV cải tiến phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; các nhà quản lí phát triển chương trình giáo dục; giúp phụ huynh HS tích cực hợp tác với nhà trường trong quá trình giáo dục HS.

1. *Yêu câu*

* Đánh giá HS thông qua mức độ đáp ứng yêu cầu cấn đạt và biểu hiện cụ thê’ vê' các thành phần năng lực của môn GDCD và những biểu hiện phẩm chất, năng lực của HS theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.
* Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của HS, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của HS; giúp HS phát huy nhiều nhất khả năng, năng lực; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh HS này với HS khác, không tạo áp lực cho HS, GV và cha mẹ HS.

1. *Nội dung đánh giá*

Việc đánh giá sẽ được xác định trên mức độ đạt được của HS về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học. HS cần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm,...) và các năng lực của người công dân Việt Nam đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và cộng đổng xã hội theo yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp. Cụ thể, HS cẩn đạt được các năng lực chung (năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo), năng lực đặc thù của môn học (năng lực đặc thù của môn GDCD là: năng lực phát triển bản thân; năng lực điều chỉnh hành vi; năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội).

Ở cấp THCS, môn GDCD giúp HS bước đầu có hiểu biết đúng và cảm xúc tích cực về những chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật đơn giản; có kĩ năng sống, cách ứng xử, thói quen, nến nếp cơ bản trong học tập và sinh hoạt phù hợp vởi giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc của cộng đồng, quy định của pháp luật.

1. *Hình thức đánh giá*

Đánh giá kết quả trong môn GDCD được thực hiện thông qua đánh giá quá trình và đánh giá định kì:

* *Đánh giá quá trình*

Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của phụ huynh HS và đánh giá của cộng đóng, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất.

* GV căn cứ vào các biểu hiện về nhận thức, kĩ năng, thái độ của HS ở từng năng lực, phẩm chất để nhận xét, có biện pháp giúp đỡ kịp thời.
* HS tự nhận xét và tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện của từng năng lực, phẩm chất.
* Phụ huynh HS trao đổi, phối hợp vởi GV động viên, giúp đỡ HS rèn luyện và phát triển năng lực, phẩm chất.
* *Đánh giá định kì*

Đánh giá định kì là đánh giá kết quả giáo dục sau một giai đoạn học tập, rèn luyện



nhằm xác định mức độ hình thành, phát triển năng lực, phầm chất của HS so với mục tiêu, yêu cầu của chương trình.

- Đánh giá định kì vê' nội dung học tập theo ba mức:

+ Hoàn thành tốt: HS thực hiện tốt các yêu cầu học tập và thường xuyên có các biểu hiện cụ thể vế những thành phần năng lực của môn học.

+ Hoàn thành: HS thực hiện được các yêu cầu học tập và có các biểu hiện cụ thể vê' những thành phần năng lực của môn học.

+ Chưa hoàn thành: HS chưa thực hiện được các yêu cầu học tập hoặc chưa có các biểu hiện cụ thể vê' những thành phần năng lực của môn học.

- Đánh giá định kì đối với sự hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực theo ba mức: + Tốt: HS đáp ứng tốt yêu cầu giáo dục, biểu hiện rõ và thường xuyên.

+ Đạt: HS đáp ứng được yêu cẩu giáo dục, biểu hiện nhưng chưa thường xuyên.

+ Cần cố gắng: HS chưa đáp ứng được đẩy đủ yêu cầu giáo dục, biểu hiện chưa rõ.

Theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành ngày 12-12-2011 vê' Quy chế đánh giá, xếp loại HS trung học cơ sở và trung học phổ thông và Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT sửa đổi, bồ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12-12-2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, thì việc kiểm tra, đánh giá môn GDCD lớp 6 được kết hợp giữa đánh giá bằng cho điểm và nhận xét kết quả học tập:

* Đánh giá bằng cho điếm kết quả thực hiện các yêu cẩu vé' chuẩn kiến thức, kĩ năng và thái độ đối với từng chủ đê' thuộc môn GDCD quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành;
* Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ vê' thái độ, hành vi và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập của HS trong quá trình học tập môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành.
* Kết quả nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống của HS không ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm, mà được GV môn GDCD theo dõi, đánh giá, ghi trong học bạ và phối hợp với GV chủ nhiệm sau mỗi học kì tham khảo khi xếp loại hạnh kiểm.

1. Một sô gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực trong môn Giáo dục công dân

*ỉ/Đánh giá qua lời nói:* Bằng phương pháp này, GV có thê’ kiểm tra tri thức, hành vi, thái độ của HS. Vê' tri thức, GV có thể yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: vì sao? như thế nào? làm gì? Ví dụ, GV có thể hỏi: Vì sao chúng ta phải yêu thương con người? Em cấn làm gì để thể hiện tình yêu thương con người? (Bài "Yêu thương con người"). Vế hành vi, GV có thể yêu cầu HS tự đánh giá hành vi của mình bằng các câu hỏi: Em đã làm điều đó như thế nào? Ví dụ: Em đã biết thực hiện những việc làm thể hiện tình yêu thương con người chưa? Đã có khi nào em chưa biết yêu thương con người? Em đã khắc phục điều đó như thế nào? Vế thái độ, GV có thể yêu cẩu HS giải thích động cơ thực hiện hành vi đạo đức, pháp luật của mình hoặc bày tỏ thái độ đổng tình hay không đổng tình với các ý kiến, các hành vi đạo đức, pháp luật có liên quan.

Ví dụ: Bố mẹ cho em tiền ủng hộ những người có hoàn cảnh khó khăn nhưng bạn rủ em dùng số tiền đó đê’ chơi điện tử. Em sẽ làm gì? (Bài "Yêu thương con người"). Ở mức độ cao hơn, GV có thê’ cho HS trình bày ý kiến xử lí tình huống đạo đức, pháp luật cụ thê’ trên cơ sở gắn nội dung bài học với những tình huống thực tế gần gũi với HS.

*2/ Đánh giá qua bài viết:* Có hai hình thức: trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan.

Ví dụ 1: Đánh dấu X vào ở những việc em cần làm để thực hành tiết kiệm trong học tập.

Giữ gìn, bảo quản đổ dùng học tập.

lạn dụng vở cũ đê’ làm giấy nháp.

Lập và thực hiện nghiêm túc thời gian biểu hằng ngày.

Dùng giấy báo đê’ bọc vở.

Ví dụ 2: Em hãy ghi 5 việc cần làm đê’ thê’ hiện tình yêu thương với con người và đánh dấu vào những việc em đã làm được.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Việc cẩn làm** | **Việc em đã làm** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

*3/ Đánh giá qua quan sát hành động, việc làm của HS:*

GV quan sát HS trong quá trình dạy học trên lớp, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật kí ghi chép lại các biểu hiện của HS để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của HS. Các nhận xét phải dựa trên các bằng chứng xác thực từ kết quả quan sát HS tham gia hoạt động học tập và hoạt động thực tiễn; nghiên cứu sản phẩm hoạt động của HS, đặc biệt là sản phẩm thực hành, ứng dụng và quan trọng nhất là quan sát cách HS giao tiếp, ứng xử, giải quyết các tình huống có vấn đê' vê' đạo đức, pháp luật trong cuộc sống thực tiễn. Ví dụ, GV có thể quan sát HS thể hiện sự siêng năng, kiên trì trong láp như thế nào qua thái độ, việc làm cụ thể (Bài "Siêng năng, kiên trì").

*4/ Đánh giá qua hố sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS:*

GV đưa ra các nhận xét, đánh giá vể các sản phâìn, kết quả hoạt động của HS, từ đó đánh giá HS theo từng nội dung đánh giá có liên quan.

5/ *Đánh giá thông qua phiếu nhận xét, đánh giá của gia đình:* GV có thê’ tham khảo ý kiến của cha mẹ HS vê' thái độ, biểu hiện, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia vào các hoạt động ở nhà và cộng đổng. Ví dụ, khi dạy bài "Tự lập", GV có thê’ yêu cầu HS xin ý kiến cha mẹ vế những việc các em đã tự làm được trong sinh hoạt hằng ngày.



HƯỚNG DẪN DAY HOC CẮC BÀI CU THÊ

Bài 1: Tự HÀO VỄ TRUYỄN THỐNG GIA ĐÌNH, DÒNG HỌ

I III I llllllll llllllllllll lllllllllll llllllllllll 111111111111 llllllllllll lllllllll III I Illi Illi III Illinium 11II Illi Illi III lllllllll mill Hill llllllllllll 111111111111 111111111111 II Illi mill Illium III I Illi Illi III llllllllllll 11II Illi Illi lllllllllll 11II Illi Illi llllllllllll Illinium llllllllllll II Illi mill Illium III I Illi Illi III llllllllllll 11II Illi III llllllllllll 11II Illi Illi llllllllllll III llllllll 11111 llllllll Ullin 11II111 HI I III III I Illi Illi III t

**(3 tiết)**

in MỤCTIÊU

*Sau bài học này, HS có thể:*

* Nêu được một số truyến thống của gia đình, dòng họ.
* Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyển thống gia đình, dòng họ.
* Biết giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ bằng những việc làm cụ thể phù hợp.

THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

II

* SGK, SGV, Bài tập Giáo dục công dân 6;
* Tranh, ảnh, truyện, thơ, ca dao, tục ngữ, thành ngữ, ầm nhạc (bài hát *Lá cờ -* sáng tác: Tạ Quang Thắng), những ví dụ thực tế,... gắn với chủ đê' “Tự hào vế truyền thống gia đình, dòng họ”;
* Đổ dùng đơn giản để sắm vai;
* Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điếu kiện).

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động

* *) Mục tiêu:* Tạo hứng thú cho HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đẩu vế bài học mới.
* *) Nội dung - TỔ chức thực hiện:* GV chọn một trong hai cách sau:

*Cách 1:* GV mở video bài hát *Lá cờ* cho HS nghe.

Sau khi nghe, GV đặt câu hỏi để HS trả lời: Bài hát nói vê' truyền thống nào của gia đình Việt Nam? Chia sẻ hiểu biết của em vê' truyền thống đó.

*Cách 2:* Chơi trò chơi “Bàn tay kì diệu”

* GV nêu một hành động, việc làm thể hiện sự yêu thương, chăm sóc của ông bà, cha mẹ với con cháu hoặc của con cháu đổi với cha mẹ, ông bà (ví dụ: bàn tay lấy nước cho ông, bàn tay mẹ ru con ngủ,...). HS cả lớp làm động tác để mô tả hành động đó.
* Sau khi chơi xong, GV đặt câu hỏi: Em cảm thấy thế nào khi được người thân quan tâm, yêu thương, chăm sóc hay khi em quan tâm, chăm sóc người thân?
* GV kết luận: Yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau là một trong những truyền thống văn hoá tốt đẹp của gia đình, dòng họ Việt Nam mà mỗi chúng ta cần phải giữ gìn, phát huy.

1. Khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu các truyền thống gia đình, dòng họ

1. *Mục tiêu:* HS nêu được các truyền thống gia đình, dòng họ.
2. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

* GV cho HS đọc thông tin về dòng họ Đặng ở Sơn La.
* Sau khi đọc thông tin, GV chia nhóm để HS thảo luận các cầu hỏi:

a/ Dòng họ Đặng ở Sơn La có truyền thống gì? Em có suy nghĩ gì về truyền thống ấy? *Gợi ý:* Truyền thống hiếu học, truyền thống yêu quê hương, đất nước.

Suy nghĩ: Em thấy ngưỡng mộ, đáng học tập.

b/ Hãy kể tên các truyền thống gia đình, dòng họ mà em biết.

*Gợi ý:* Truyến thống yêu nước, truyền thống cách mạng, truyến thống yêu thương con người, truyền thống cần cù lao động, nghế truyền thống,...

* GV mời đại diện các nhóm chia sè câu trả lời.
* GV tồng hợp các ý kiến trên bảng/ giấy khổ lớn, yêu cầu HS bổ sung thêm nếu còn ý kiến khác và rút ra kết luận vế truyền thống gia đình, dòng họ:

+ Truyền thống gia đình, dòng họ là những giá trị tốt đẹp của gia đình, dòng họ được lưu truyến từ đời này sang đời khác.

+ Gia đình, dòng họ ở Việt Nam có một số truyến thống tiêu biểu như: yêu nước, yêu thương con người, hiếu học, cần cù lao động, các nghề truyền thống,... được lưu giữ, tiếp nối và phát huy qua nhiều thế hệ.

**Hoạt động 2: Tìm hiểu ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ**

1. *Mục tiêu:* HS giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyến thống gia đình, dòng họ.
2. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

* GV chia HS thành các nhóm, mỗi nhóm thảo luận về một trường hợp trong SGK (1/2 lớp sẽ thảo luận và trả lời câu hỏi ở trường hợp 1, 1/2 lớp còn lại thào luận và trả lời câu hỏi trường hợp 2).
* Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.
* GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi: Truyền thống gia đình, dòng họ có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cá nhân, gia đình và xã hội?
* *Gợi ý:*

*â/* Việc tự hào vê' truyến thống cần cù lao động của gia đình Dung đã giúp bạn:

+ Ý thức được về giá trị bản thân, tự hào vê' gia đình, dòng họ mình;

+ Tạo nền tảng và động lực phấn đâu.

b/ Việc duy trì nến nếp, gia phong đã đem lại cho gia đình Nam một cuộc sống luôn đoàn kết, vui vẻ, đầm ấm. Các thành viên trong gia đình được sống trong môi trường yêu thương, có văn hoá,...

c/ HS có thể nêu một số ý nghĩa của truyến thống gia đình, dòng họ đối với mỗi cá nhân, gia đình và xã hội như: phát triển lòng tự tôn cá nhân, tự tin, tự hào về gia đình; nâng đỡ, tạo sức mạnh vượt qua khó khăn; nuôi dưỡng và phát triển tình yêu thương, lối sống văn hoá,... Có ý nghĩa tích cực, quan trọng với gia đình và xã hội.

- GV mời HS trả lời câu hỏi, tổng hợp ý kiến của HS và kết luận về ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ: Hiểu biết và tự hào vê' truyền thống gia đình, dòng họ giúp ta có thêm kinh nghiệm và sức mạnh trong cuộc sống, góp phần làm phong phú truyền thống, bản sắc dân tộc Việt Nam.

**Hoạt động 3: Tìm hiểu những việc cần làm đê’ giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình, dòng họ**

1. *Mục tiêu:* HS biết giữ gìn và phát huy truyến thống gia đình, dòng họ bằng những việc làm cụ thể phù hợp.
2. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

* GV yêu cầu mỗi nhóm thảo luận vê' một trường hợp trong SGK (1 /2 lớp sẽ thảo luận và trả lời câu hỏi ở trường hợp 1,1/2 lớp còn lại thảo luận và trả lời câu hỏi trường hợp 2).
* Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.
* HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi: Theo em, mỗi người cấn làm gì để giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình, dòng họ?
* GV yêu cầu từng nhóm liệt kê những hành động cụ thể, thiết thực mà mỗi HS có thê’ làm được đê’ giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình, dòng họ.

*Gợi ỷ:*

a/ Bạn Linh đã phát huy truyền thống gia đình kính trên nhường dưới, yêu thương ông bà, giữ gìn văn hoá truyền thống của dân tộc bằng hành động cùng gia đình sum họp, SƯU tầm lời chúc ý nghĩa đê’ chúc mừng ông bà, bố mẹ và những người thân. Những việc làm của Linh giúp cho người thân hạnh phúc, tự hào. Đó chính là việc làm thê’ hiện sự tự hào vê' truyền thống gia đình và tiếp nối, phát huy truyền thống tốt đẹp đó.

b/ Bạn An đã phát huy truyền thống của gia đình bằng cách tiếp tục học tập, chăm chỉ luyện tập đàn bầu và mong muốn giới thiệu nhạc cụ truyền thống của Việt Nam với thế giới

c/ Những việc nên làm đê’ gìn giữ và phát huy truyền thống gia đình, dòng họ như:

* Tìm hiểu vê' truyền thống gia đình mình qua việc hỏi han, trò chuyện với ông bà, bố mẹ;
* Tiếp nối những truyền thống tốt đẹp của gia đình mình bằng các việc làm cụ thể, phù hợp với độ tuồi như: chăm học, chăm làm, yêu thương bạn bè và thầy cô, yêu nước, kính trọng người lớn tuổi,...



* Đại diện các nhóm trả lời, GV tổng hợp các ý kiến và kết luận: Mỗi người cấn tìm hiểu vê' truyền thống gia đình, dòng họ mình, từ đó có những việc làm phù hợp để phát huy truyền thống đó.
* Kết thúc hoạt động Khám phá, GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học về ý nghĩa của truyến thống gia đình, dòng họ, những việc cần làm để giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình, dòng họ và tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua phẩn chốt nội dung ở trong SGK.

1. Luyện tập

* *) Mục tiêu:* HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lí tình huống cụ thể.
* *) Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

1/ Em đổng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

GV đọc các ý kiến trong SGK và cho HS phát biểu quan điểm của mình. GV nhận xét và chốt kiến thức.

*Gợi ỷ:*

* Đổng tình với ý kiến a và b vì:

a. Lao động cần cù, chăm chỉ là một trong những nét đẹp truyền thống điển hình của các gia đình, dòng họ Việt Nam từ thời nông nghiệp lúa nước cho đến thời hiện đại ngày nay. b. Giữ gìn truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ là thể hiện lòng trân trọng và biết ơn đối với bố mẹ, ông bà, tổ tiên; là việc làm cụ thể, thiết thực để thể hiện lòng trân trọng, biết ơn với những thế hệ đi trước đã xây dựng nên truyền thống tốt đẹp cho dòng họ và để lại di sản cho con cháu đời sau.

* Không đổng tình vói ý kiến c vì: Truyền thống gia đình, dòng họ không chỉ là vật chất mà còn là những giá trị phi vật chất như: yêu nước, sự cần cù lao động,... Trải qua thời kì chiến tranh, lao động xây dựng đất nước, các gia đình, dòng họ Việt Nam có các truyền thống như: yêu nước, hiếu học, cẩn cù lao động,... Đó là những truyến thống rất đáng tự hào.

2/ Xử lí tình huống

* GV giao cho mỗi nhóm nghiên cứu một tình huống, phân chia nhân vật đê’ sắm vai xử lí tình huống.
* Các nhóm thảo luận, đưa ra cách xử lí tình huống và phân công sắm vai.
* Lần lượt từng nhóm lên sắm vai, các nhóm khác chú ý lắng nghe và nhận xét phần xử lí tình huống của nhóm bạn.
* GV khen ngợi các nhóm có cách xử lí đúng, chỉnh sửa những cách xử lí chưa đúng. Gợi *ý:*

+ Tình huống 1:

* Ngưỡng mộ các anh chị, mong muốn được như các anh chị;
* Suy nghĩ và dự tính vế trường đại học mình muốn học;
* Lập kế hoạch học tập, sử dụng và quản lí thời gian, dành nhiều thời gian hơn để học tập, tham gia các lớp học thêm, lập nhóm bạn cùng học, đọc thêm sách tham khảo, thậm chí có thể có kế hoạch tiết kiệm tiền đê’ mua sách,...

+ Tình huống 2:

* Tự hào vê' bố mẹ;
* Thêm yêu thương và kính trọng bố mẹ, trân trọng nghế truyền thống của gia đình;
* Tìm hiểu thêm về mẫu mã đổ chơi Trung thu, dành thời gian phụ giúp bố mẹ.
* Chọn theo nghề truyền thống của gia đình hay không là quyết định cá nhân. Điều quan trọng là em vẫn tôn trọng và tự hào vê' nghê' truyến thống của gia đình mình, đổng thời trân trọng và dành thời gian phụ giúp công việc của bố mẹ.

+ Tình huống 3:

Đổng ý với ý kiến của bạn Tuấn vì: Tiếp nối truyến thống của gia đình không chỉ là tiếp nối nghế nghiệp, công việc được truyền từ đời cha ông mà quan trọng là tiếp nối các giá trị của gia đình như: yêu nước, cần cù lao động, yêu thương con người,...

1. Vận dụng
2. *Mục tiêu:* HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.
3. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:* GV yêu cầu HS:

**1/** Viết thư cho ông bà, bố mẹ để nói lên niềm tự hào của em vế truyền thống gia đình, dòng họ và chia sẻ những việc em sẽ làm để kế thừa và tiếp nối những truyền thống tốt đẹp đó.

2/ Vế nhà lập kế hoạch cá nhân cho việc giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình, dòng họ mình theo bảng mẫu trong SGK.

ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI

Qua hỏi - đáp và quan sát thái độ, hành động của HS để đánh giá:

*1/ Hoàn thành tốt:* Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ và giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ. Hiểu và tự hào vê' truyến thống gia đình, dòng họ của mình. Đánh giá được hành vi phù hợp và chưa phù hợp với việc giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình, dòng họ. Có hành động và kế hoạch cụ thể để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ.

*2/ Hoàn thành:* Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ; giải thích được ý nghĩa của truyẽn thống gia đình, dòng họ nhưng chưa đầy đủ. Hiểu và tự hào vê' truyền thống gia đình, dòng họ của mình. Đánh giá được hành vi phù hợp và chưa phù hợp với việc giữ gìn và phát huy truyến thống gia đình, dòng họ, tuy nhiên vẫn còn một số chỗ cần điều chỉnh. Có hành động để giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ nhưng chưa thường xuyên.

*3/ Chưa hoàn thành:* Chưa thực hiện được các yêu cầu theo mục tiêu của bài học.



Bài 2: YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI

llll llllllllllll llllllllllll llllllllllll llllllllllll 111111111111 111111111111 lllllllllll llllllllllll llllllllllll llllllllllll llllllllllll llllllllllll III lllllll II llllllllllll llllllllllll lllllllllll llllllllllll llllllllllll llllllllllll llllllllllll till lllllll I llllllllllll llllllllllll llllmllHI 11111111111 llllmllHI 1111111111111111111111111111111111111111111111111II11111111111111111111111111111111111111111111111111111111111111111II11111111111111111111111

**(2 tiết)**

IB MỤCTIÊU

*Sau bài học này, HS có thể:*

* Nêu được khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người.
* Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người.
* Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người.
* Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương của người khác.
* Phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người.

THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

* SGK, SGV, Bài tập Giáo dục công dân 6;
* Tranh, ảnh, truyện, thơ, ca dao, tục ngữ, thành ngữ, những ví dụ thực tế,... gắn với bài “Yêu thương con người”;
* Đồ dùng đơn giản để sắm vai;
* Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Khởi động**
2. *Mục tiêu:* Tạo hứng thú cho HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu vê' bài học mới.
3. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:* GV chọn một trong hai cách sau:

*Cách 1:* GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh *chia sẻ cùng miến Trung và* trả lời câu hỏi: a/ Hình ảnh gợi em nhớ tới sự việc nào xảy ra ở nước ta?

b/ Trước sự việc đó, Nhà nước và Nhân dân ta đã có những hành động gì?

c/ Em hãy chia sẻ cảm xúc của mình trước những hành động đó.

GV mời HS trả lời và dẫn dắt vào bài: Yêu thương con người là truyền thống quý báu của dân tộc, cần được giữ gìn và phát huy. Vì vậy, các em cần có hiểu biết về tình yêu thương và thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người.

*Cách 2:* GV có thể cho HS chia sè về những tình huống thể hiện tình yêu thương con người trong cuộc sống hằng ngày của chính bản thân các em hoặc của người khác mà các em đã chứng kiến, rồi dẫn dắt vào bài.

1. **Khám phá**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu thế nào là yêu thương con người**

1. *Mục tiêu:* HS nêu được khái niệm yêu thương con người.
2. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin bằng cách mời một HS đọc to, rõ ràng thông tin, cả lớp lắng nghe. Sau khi HS đọc thông tin, GV yêu cầu HS chia sẻ những suy nghĩ của mình vẽ ước nguyện của bé Hải An và gia đình bé đã hiến tặng giác mạc để trao ánh sáng cho người khác với mục đích cứu người, làm việc thiện.



* GV mời đại diện một vài HS trả lời. GV khen ngợi các bạn có câu trả lời đúng; chỉnh sửa, bổ sung ý kiến đối với câu trả lời còn thiếu.
* GV yêu cầu HS thảo luận nhóm câu hỏi vế tình yêu thương có liên quan tới thực tế cuộc sống: Tình yêu thương con người là gì?
* GV mời đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận, HS khác chú ý lắng nghe, cho ý kiến nhận xét và đặt câu hỏi (nếu có).
* GV kết luận:

+ Ước nguyện của bé Hải An là được hiến tặng giác mạc của mình để đem lại ánh sáng cho người khác. Ước nguyện đó thật cao cả, lớn lao và việc làm đó viết nên cầu chuyện đẹp về lòng nhân ái, biết sống vì người khác, đem lại hạnh phúc cho người khác để sự sống mãi tiếp nối, trường tồn. Việc làm đó đã làm lay động, thức tỉnh hàng triệu trái tim con người Việt Nam. Câu chuyện là minh chứng cao đẹp vế tình yêu thương con người. + Yêu thương con người là sự quan tâm, giúp đỡ, làm những điếu tốt đẹp cho người khác, nhất là những người gặp khó khăn, hoạn nạn.

**Hoạt động 2: Tìm hiểu biểu hiện của tình yêu thương con người**

1. *Mục tiêu:* HS nhận biết được các biểu hiện của tình yêu thương con người.
2. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

* GV cho HS thảo luận cặp đôi câu hỏi: Biểu hiện của tình yêu thương con người được thể hiện qua lời nói, việc làm, thái độ như thế nào?
* Mỗi nhóm liệt kê những biểu hiện của tình yêu thương con người vào giấy A3 theo bảng mẫu của SGK.
* GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu.
* GV cùng HS tồng hợp ý kiến:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hình thức** | **Biểu hiện của tình yêu thương con người** |
| Lời nói | - Không sao đâu, mọi chuyện sẽ qua thôi, mình luôn bên bạn.  - Hãy để mình giúp bạn một tay nhé!  - Cháu có thể giúp được gì cho bác không ạ? |
| Việc làm | - Giúp đỡ người nghèo  - Giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn  - Giúp đỡ người khuyết tật  - Giúp đỡ người già neo đơn, mẹ Việt Nam Anh hùng |

|  |  |
| --- | --- |
| Thái độ | * Quan tâm * Cảm thông * Lo lắng và đồng cảm * Chia sẻ |

* GV tiếp tục cho HS quan sát tranh trong SGK và thảo luận theo nhóm để trả lời câu hỏi: Tình yêu thương con người được biểu hiện trong các mối quan hệ: gia đình, nhà trường, xã hội như thế nào? Hãy nêu ví dụ minh hoạ. Đối với hoạt động này, GV có thể hướng dẫn mỗi nhóm thảo luận vê' một biểu hiện của yêu thương con người (ở gia đình, nhà trường và xã hội).
* GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bồ sung ý kiến (nếu cần).

- GV cùng HS tổng hợp các ý kiến:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mối quan hệ** | **Biểu hiện của tình yêu thương** | **Ví dụ minh hoạ** |
| ơ gia đình | - Quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình  - Động viên, giúp đỡ khi gặp khó khăn | * Bố mẹ, con cháu chăm sóc ông bà khi ốm * Giúp em nhỏ học bài * Bổ mẹ động viên các con cố gắng trong học tập và rèn luyện - Các con biết kính trọng, yêu thương, chia sẻ việc nhà với ông bà, cha mẹ |
| Ở nhà trường | * Các bạn hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện * Thầy cô động viên, dìu dắt, dạy bảo các em học sinh * Học sinh biết ơn, kính trọng thầy cô | * ứng hộ các bạn có hoàn cảnh khó khăn trong lớp * Giúp đỡ bạn khuyết tật trong lớp, trong trường * Thầy cô hỗ trợ, dạy các em thành học sinh chăm ngoan, học giỏi |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ở xã hội | - Mọi người yêu thương, cảm thông, chia sẻ với nhau  - Cùng nhau giúp đỡ người dân ở các vùng miến khó khăn | - Chung tay ủng hộ đổng bào lủ lụt, hạn hán  - Giúp đỡ bà con nông dân tiêu thụ hàng hoá nông sản  - Hỗ trợ người bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh (Covid-19) |

* GV tiếp tục cho HS làm việc cá nhân kể về những biểu hiện trái với lòng yêu thương con người trong cuộc sống và phân tích thêm để giúp HS hiểu được lòng yêu thương con người khác với lòng thương hại; trái với yêu thương là gì và hậu quả của nó:

+ Lòng yêu thương con người xuất phát từ tấm lòng chằn thành, vô tư, trong sáng và giúp nâng cao giá trị con người. Ví dụ: khi bạn gặp khó khăn, ta sẵn sàng giúp đỡ và không mong chờ bạn trả ơn cho mình. Nếu sự giúp đỡ xuất phát từ động cơ vụ lợi cá nhân, không chân thành thì sẽ làm tổn thương người khác và hạ thấp giá trị con người. + Trái vỏi yêu thương là thù hận, mâu thuẫn, căm ghét nhau. Hậu quả sẽ đưa đến kết cục không tốt đẹp, con người không thể sống thanh thản được.

**Hoạt động 3: Tìm hiểu giá trị của tình yêu thương con người**

1. *Mục tiêu:* HS trình bày được giá trị của tình yêu thương con người.
2. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

* GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn các nhóm tìm hiểu giá trị của tình yêu thương con người thông qua thông tin từ những chương trình truyền hình nhân ái. GV phân mỗi nhóm thảo luận một câu hỏi:

+ Tình yêu thương con người có ý nghĩa như thế nào đối với bản thân người được nhận tình yêu thương?

+ Tình yêu thương con người có ý nghĩa như thế nào đối với bản thân người đã thể hiện tình yêu thương với người khác?

+ Tình yêu thương con người có ý nghĩa như thế nào đối với xã hội?

* GV mời đại diện các nhóm lên trình bày cầu trả lời của nhóm mình trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.
* GV nhận xét, kết luận:

+ Tình yêu thương có ý nghĩa:

* Người được nhận tình yêu thương sẽ cảm thấy ấm áp, hạnh phúc;
* Người thể hiện tình yêu thương với người khác cảm thấy vui vẻ, đổng cảm;
* Đối với xã hội, tình yêu thương con người góp phần làm cho xã hội lành mạnh và tốt đẹp hơn.

+ Tình yêu thương con người là một phẩm chất tốt đẹp. Những việc làm thể hiện tình yêu thương con người sẽ góp phần gìn giữ và phát huy được truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

* Kết thúc hoạt động Khám phá, GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học vế biểu hiện, giá trị của tình yêu thương con người và tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua phần chốt nội dung trong SGK.

1. Luyện tập
2. *Mục tiêu:* HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lí tình huống cụ thể.
3. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

1/ Tìm các cầu ca dao, tục ngữ vế yêu thương con người và thảo luận về ý nghĩa của những câu ca dao, tục ngữ đó.

* GV chia lớp thành hai nhóm, phát giấy A3 và bút dạ để HS ghi các câu ca dao, tục ngữ vê' yêu thương con người. Nhóm nào tìm được nhiều câu và đúng sẽ giành chiến thắng.
* Hoặc GV có thể tổ chức trò chơi "Đối mặt", mời từ 7 - 10 HS tham gia chơi. Các em đứng thành vòng tròn, tới lượt bạn nào thì bạn đó phải đọc nhanh câu ca dao, tục ngữ vê' yêu thương con người và không được nhắc lại câu mà các bạn khác đã nêu cho tới khi còn một bạn duy nhất.
* Sau khi chơi, GV đặt câu hỏi: Em hãy nêu ý nghĩa của những cầu ca dao, tục ngữ đó. *Gợi ý:* Những câu ca dao, tục ngữ nói vê' yêu thương con người là những lời khuyên, lời dạy của cha ông ta để lại cho con cháu. Đó là lòng thương người, người với người cùng sống trong một đất nước, cùng tổn tại trên một quả địa cầu thì phải biết yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn, hoạn nạn.

2/ Em đổng tình hoặc không đổng tình với việc làm của bạn nào dưới đây? Vì sao?

* GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, mỗi nhóm thảo luận một trường hợp trong SGK.
* GV mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả. Các nhóm khác nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).
* GV kết luận và khuyên HS nên học tập việc làm của bạn Mai (trường hợp 2), bạn Phúc (trường hợp 3) và không nên làm theo hai chị em Hà (trường hợp 1).
* GV có thể mở rộng, yêu cầu HS chia sẻ vể những việc làm của bản thân đã thể hiện tình yêu thương con người nhằm giúp các em hiểu rõ ý nghĩa của tình yêu thương con người trong cuộc sống hằng ngày.

3/ Sắm vai xử lí tình huống

* GV cho HS thảo luận nhóm đôi hoặc cho HS sắm vai để đưa ra cách xử lí tình huống. *Gợi ý:*

+ Tình huống 1: Từ chối, không làm theo bạn và dùng số tiền đó để ủng hộ, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn.

+ Tình huống 2: Khuyên các bạn tham gia chia sẻ, động viên bạn Hoa, giúp bạn vượt qua hoàn cảnh khó khăn để tiếp tục tới trường học tập.

* GV mời đại diện một sổ nhóm trình bày. Các nhóm khác quan sát, lắng nghe, nhận xét nhóm bạn và bổ sung nếu cần.
* GV khen ngợi các cách xử lí tình huống đúng.

1. Vận dụng
2. *Mục tiêu:* HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.
3. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

1/ Em hãy vẽ một bức tranh mang thông điệp yêu thương con người để giới thiệu với bạn bè và thầy cô.

- GV hướng dẫn HS vê' nhà vẽ một bức tranh mang thông điệp yêu thương con người. - GV hướng dẫn HS tổ chức trưng bày tranh vẽ ở lớp học và yêu cầu HS thuyết trình, chia sẻ ý nghĩa của bức tranh đó với các bạn trong lớp.

**2/** Em hãy lập và thực hiện kế hoạch giúp đỡ một bạn có hoàn cảnh khó khăn trong lớp, trường hoặc ở địa phương.

- GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động này ở nhà nếu thời gian trên lớp không đủ và viết báo cáo nộp vào buổi học sau. Hoặc cũng có thể giao bài tập vận dụng này theo nhóm HS.

- GV đặt câu hỏi cho HS để các em chia sẻ vê' kế hoạch giúp đỡ một bạn có hoàn cảnh khó khăn trong lớp, trường hoặc ở địa phương như:

+ Mục tiêu của kế hoạch là gì?

+ Xác định điều kiện như thế nào là bạn có hoàn cảnh khó khăn cần giúp đỡ?

+ Thời gian giúp đỡ là khi nào?

+ Các việc làm cụ thể để giúp đỡ là gì?...

GV cùng HS chốt lại những nội dung chinh của bản kế hoạch nên có và cách thực hiện.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **KẾ HOẠCH** | | | |
| Mục tiêu | Họ tên í IS cẩn giúp đỡ | Thời gian thực hiện | Các việc làm cụ thể |
|  |  |  |  |

ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI

Qua hỏi - đáp và quan sát thái độ, hành động của HS để đánh giá:

*1/ Hoàn thành tốt:* Nêu được khái niệm, những biểu hiện và giá trị của tình yêu thương con người; thực hiện những việc làm thê’ hiện tình yêu thương con người; đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương của người khác; phê phán được những biểu hiện trái với tình yêu thương con người.

*2/ Hoàn thành:* Nêu được khái niệm, những biểu hiện cơ bản và giá trị của tình yêu thương con người nhưng chưa đầy đủ; thực hiện những việc làm thể hiện tình yêu thương con người nhưng chưa thường xuyên.

*3/ Chưa hoàn thành:* Chưa thực hiện được các yêu cầu theo mục tiêu bài học.

Bài 3: SIÊNG NĂNG, KIÊN TRÌ

1111111111111111111111111111 llllllllllll IIIIIIIIIm llllllllllll llllllllll II III III I m I llllllll llll IIIIIIIIIIII llllllllllll IIIIIIIIIIII llllllllllll IIIIIIIIIIII IIIIIIIIIIII Illinium lllllllllll lllll lllllll IIIIIIIIIIII IIIIIIIIIIII llllllllllll III III III III III III III III IIIIIIIII III IIIIIIIIIm IIIIII I III I IIIIIIIIIm lllll lllllll I Illi lllllll Illi Illi Illi llllllllllll lllllll III 11 III III I III IIII III I mill lllllllllll II III I III IIIII III I III tu I III I III Illi lllllllltl

**(2 tiết)**

IB MỤCTIÊU

*Sau bài học này, HS có thể:*

* Nêu được khái niệm, biểu hiện của siêng năng, kiên trì.
* Nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.
* Siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sổng hằng ngày.
* Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác trong học tập, lao động và cuộc sống hằng ngày.
* Quý trọng những người siêng năng, kiên trì; góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng hay nản lòng để khắc phục hạn chế này.

lEU THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

* SGK, SGV, Bài tập Giáo dục công dân 6;
* Tranh ảnh, clip, giấy A4, phiếu học tập và các mẩu chuyện, tục ngữ, ca dao vê' siêng năng, kiên trì;
* Đó dùng đơn giản để sắm vai;
* Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động
2. *Mục tiêu:* Tạo hứng thú cho HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu vế bài học mới.
3. *Nội dung - Tổ chức thực hiện:* GV chọn một trong hai cách sau:

*Cách 1:* GV tổ chức cho HS chơi trò "Ai nhanh hơn": Tìm những câu tục ngữ, ca dao nói vê' siêng năng, kiên trì.

* Chia lớp thành hai đội, lẩn lượt mỗi đội đọc một câu tục ngữ, ca dao nói vê' siêng năng, kiên trì. Đội nào tìm được nhanh và đúng nhiếu cầu hơn sẽ thắng.

Thảo luận sau khi chơi:

* GV nêu câu hỏi: Em hãy chia sẻ hiểu biết của mình vê' ý nghĩa của những câu ca dao, tục ngữ vừa tìm được.
* GV mời HS trả lời và dẫn dắt vào bài: Siêng năng, kiên trì là những đức tính tốt đẹp

cần có của con người, là chìa khoá mang đến thành công. Vì thế, HS cần có hiểu biết vê' siêng năng, kiên trì và rèn luyện đức tính này.

*Cách 2:* GV gợi ý cho HS chia sẻ một số gương siêng năng, kiên trì dẫn đến thành công trong gia đình, nhà trường và những người xung quanh, rồi dẫn dắt vào bài.

1. Khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu thế nào là siêng năng, kiên trì

1. *Mục tiêu:* HS nêu được khái niệm siêng năng, kiên trì.
2. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

* GV mời một HS đọc to, rõ ràng truyện “Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi” sau đó mời HS trong lớp trả lời câu hỏi trong SGK: Mạc Đĩnh Chi đã nỗ lực như thế nào đê’ thi đỗ Trạng nguyên?
* GV có thể nêu thêm những câu hỏi gợi ý giúp HS khai thác các tình tiết trong truyện để trả lời được câu hỏi: Em hiểu thế nào là siêng năng, kiên trì?
* Sau phần trả lời của HS, GV nhận xét và đưa ra kết luận: Siêng năng là đức tính của con người biểu hiện ở sự cần cù, tự giác, miệt mài, làm việc thường xuyên, đếu đặn. Kiên trì là sự quyết tâm làm đến cùng dù gặp khó khăn, gian khổ.

**Hoạt động 2: Tìm hiểu những biểu hiện của siêng năng, kiên trì**

1. *Mục tiêu:* HS nêu được những biểu hiện của siêng năng, kiên trì trong học tập, lao động và cuộc sống.
2. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

* GV hướng dẫn HS cùng nhóm học tập quan sát các bức tranh trong SGK để nêu được những biểu hiện siêng năng, kiên trì và trái với siêng năng, kiên trì trong nội dung các bức tranh:

+ Tranh 1: biểu hiện sự siêng năng, kiên trì trong học tập, gặp bài khó không bỏ cuộc.

+ Tranh 2: biểu hiện sự siêng năng, chăm chỉ lao động làm việc nhà giúp đỡ bố mẹ.

+ Tranh 3: biểu hiện siêng năng, chăm chỉ lao động, học tập của HS.

+ Tranh 4: biểu hiện sự chưa siêng năng, kiên trì trong việc chăm sóc cây.

* Các nhóm kể thêm biểu hiện của những tấm gương siêng năng, kiên trì khác trong học tập, lao động và cuộc sống hằng ngày.
* GV tổng hợp các ý kiến trên bảng và rút ra kết luận: Biểu hiện của siêng năng, kiên trì là luôn cần cù, chăm chỉ, nỗ lực, chịu khó, quyết tâm hoàn thành công việc đã đặt ra; tự giác, chủ động thực hiện công việc; không bỏ cuộc khi gặp khó khăn, trở ngại; không trông chờ, ỷ lại vào người khác,...

**Hoạt động 3: Tìm hiểu ý nghĩa của siêng năng, kiên trì**

1. *Mục tiêu:* HS nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.
2. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

- GV hướng dẫn các nhóm ở 1 /2 lớp thảo luận về trường hợp 1 trong SGK, 1 /2 lớp còn lại thảo luận trường hợp 2.

+ GV gợi ý các nhóm nghiên cứu trường hợp 1 bằng cách đưa ra một vài câu hỏi gợi mở như: 1/ Hoa đã gặp phải khó khăn gì trong việc học tiếng Anh?



2/ Hoa đã vượt qua khó khăn đó như thế nào?

3/ Siêng năng, kiên trì học tiếng Anh đã mang lại điều gì cho bạn Hoa?

4/ Em rút ra bài học gì từ việc rèn luyện tính siêng năng, kiên trì của bạn Hoa?

+ GV gợi ý các nhóm HS nghiên cứu trường hợp 2 với một số câu hỏi gợi mở như:

1/ Trong cuộc sống, bạn Vân gặp khó khăn gì?

2/ Bạn đã tìm cách vượt qua khó khăn đó như thế nào?

3/ Siêng năng, kiên trì đã mang lại điều gì cho bạn Vần?

4/ Em rút ra bài học gì từ việc rèn luyện siêng năng, kiên trì của bạn Vân?

* GV mời đại diện một đến hai nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.
* GV tóm tắt ý kiến thảo luận của HS và kết luận vê' ý nghĩa của siêng năng, kiên trì: + Nhờ siêng năng, kiên trì, các bạn Hoa và Vân đã gặt hái được kết quả tốt đẹp trong học tập và rèn luyện thân thể.

+ Siêng năng, kiên trì là chìa khoá giúp con người thành công trong công việc và cuộc sống. - Kết thúc hoạt động Khám phá, GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học vê' khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa của siêng năng, kiên trì và tồng kết những nội dung chính của bài học thông qua phần chốt nội dung ở SGK nhằm giúp HS củng cố lại tri thức đã khám phá.

1. Luyện tập
2. *Mục tiêu:* HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lí tình huống cụ thể.
3. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

**1/** Em hãy quan sát tranh và trả lời câu hỏi

* Tranh 1:

+ GV hướng dẫn HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: “Theo em, bạn trong tranh cẩn làm gì để có kết quả học tập tốt hơn?”.

+ GV mời một vài bạn HS trả lời, nhận xét và kết luận: Đê’ có kết quả học tập tốt hơn, bạn cần giảm bớt thời gian chơi điện tử, chăm chỉ học bài và làm bài đầy đủ.

* Tranh 2:

+ GV hướng dẫn HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: “Bạn Nam đã siêng năng, kiên trì như thế nào đê’ thực hiện ước mơ của mình?”.

+ GV mời một vài HS trả lời, nhận xét và kết luận: Đê’ thực hiện ước mơ trở thành thủ môn giỏi, bạn Nam đã siêng năng, kiên trì rèn luyện thân thê’, nâng cao sức khoẻ và kĩ năng bắt bóng.

2/ Xử lí tình huống

* GV giao mỗi nhóm nghiên cứu một tình huống, phân chia nhân vật để sắm vai và xử lí tình huống.
* Các nhóm thảo luận, đưa ra cách xử lí tình huống và phân công sắm vai.
* GV mời đại diện các nhóm lên sắm vai, các nhóm khác quan sát, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).
* GV nhận xét, đánh giá và phân tích các tình huống nhằm giúp HS rút ra bài học đối với bản thân vê' cách rèn luyện đức tính siêng năng, kiên trì.



+ Tình huống 1: Bạn Hân đã đưa ra mục tiêu sẽ dự thi hùng biện bằng tiếng Anh thì cần kiên trì, quyết tâm thực hiện mục tiêu này. Bạn đang gặp phải khó khăn là vốn từ vựng tiếng Anh còn hạn chế, thì cần tìm cách vượt qua bằng cách lên kế hoạch bổi dưỡng vốn từ vựng mỗi ngày...

+ Tình huống 2: Bạn Hoà đã thể hiện thiếu siêng năng, kiên trì trong học tập: gặp bài khó thì ngại suy nghĩ và bỏ qua. Bạn cần rèn luyện đức tính này bằng cách chăm chỉ học tập, tìm tòi cách giải các bài toán khó. Mỗi khi giải được bài khó, bạn sẽ tìm thấy niềm vui của sự thành công, chắc chắn sẽ đạt được kết quả học toán ngày càng tốt hơn và nhận được sự tin yêu, nể phục của các bạn trong lớp.

1. Vận dụng
2. *Mục tiêu:* HS vận dụng những kiến thức của bài học vào thực tiễn cuộc sống.
3. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

1/ Em hãy SƯU tẩm một tấm gương về siêng năng, kiên trì và viết bài học rút ra từ tấm gương đó.

* GV có thể hướng dẫn HS vê' nhà tìm hiểu những câu chuyện kể vế tấm gương thể hiện sự siêng năng, kiên trì từ cuộc sống hằng ngày (trong gia đình, nhà trường), từ sách, báo, Internet, truyền hình,... và HS viết bài chia sẻ những điếu học được từ tấm gương đó.
* Ở buổi học sau, GV có thể lựa chọn một vài bài viết đọc cho cả lớp cùng nghe, sau đó GV đánh giá, khen ngợi, động viên HS và tổng kết:

+ Siêng năng, kiên trì là đức tính quý mà mỗi người cần tu dưỡng, rèn luyện. Đó chính là chìa khoá giúp chúng ta thành công trong công việc và cuộc sống.

+ Người có tính siêng năng, kiên trì luôn nhận được sự yêu thương, quý trọng của mọi người.

2/ Em hãy xây dựng và thực hiện kế hoạch khắc phục những biểu hiện chưa siêng năng, kiên trì của bản thân trong cuộc sống, sau đó chia sè kết quả thực hiện với thầy cô và các bạn.

GV hướng dẫn HS nêu những biểu hiện chưa siêng năng, kiên trì của bản thần (trong học tập, rèn luyện thân thể, lao động,...) và lập kế hoạch để khắc phục nhược điểm này. GV có thể gợi ý cho HS kẻ bảng để thực hiện bài tập này nếu HS có biểu hiện chưa siêng năng, kiên trì.

|  |  |
| --- | --- |
| **Biểu hiện chưa siêng năng, kiên trì** | **Kế hoạch khắc phục** |
|  |  |

ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI

Qua hỏi - đáp và quan sát thái độ, hành động của HS để đánh giá:

*1/ Hoàn thành tốt:* Nêu được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa của siêng năng, kiên trì. Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác. Thực hiện siêng năng, kiên trì trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày, không lười biếng,nản lòng khi gặp khó khăn; Luôn chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực trong việc rèn luyện tính siêng năng, kiên trì cho bản thân.

2/ *Hoàn thành:* Nêu được khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa của siêng năng kiên trì nhưng chưa đẩy đủ; thực hiện siêng năng, kiên trì trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày nhưng chưa thường xuyên.

*3/ Chưa hoàn thành:* Chưa thực hiện được các yêu cầu theo mục tiêu bài học.

Bài 4: TÔN TRỌNG sự THẬT

I III IIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIII11III1111 IIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIII III I Illi Illi III IIIIIIII III I HI I HI I III I HI 11111 HII III Illi Illi IIIIIIIIIIII lull IIIIIIIIIIIIIIIIIIIII HU mill IIIIIIIIIIIII HU mill Illium III I Illi Illi III IIIIIIIIIIII11111111III11IIIII111111IIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIII11III111 IIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIII III I Illi Illi III IIIIIIIIIIII11II Illi Illi miiimiu Iiiiiiim 11II Iimiuii imimiii III Iiiiiim Iiuiiititii Iiiiiim III Iiiuiim (3 tiết)

IB MỤCTIÊU

*Sau bài học này, HS có thể:*

* Nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật.
* Giải thích được vì sao phải tôn trọng sự thật.
* Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm;
* Không đổng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật.

THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

* SGK, SGV, Bài tập Giáo dục công dân 6;
* Tranh ảnh, truyện, thơ, ca dao, tục ngữ, thành ngữ, những ví dụ thực tế,... gắn với bài “Tôn trọng sự thật”;
* Đổ dùng đơn giản để sắm vai;
* Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint... (nếu có điếu kiện).

III

TIÊN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động

*a) Mục tiêu:* Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới. *b) Nội dung - TỔ chức thực hiện:* GV có thể chọn một trong hai cách sau: *Cách 1:* Tổ chức trò chơi “Truyền tin”

Quản trò chọn ra hai đội chơi, mỗi đội gổm 5-7 HS; phổ biến luật chơi: Quản trò sẽ nói thẩm một câu khó đọc và dễ nhầm cho người đứng đầu hàng, ví dụ: “Anh Căn ăn canh”, “Anh Hạnh ăn hành tươi”, “Anh Mạnh ăn canh mặn”, “Lúa nếp là lúa nếp làng/ Lúa lên láp lớp lòng nàng lâng lâng”,... Nhiệm vụ của người nghe là phải truyền tai nhau câu nói đó. Nếu người cuối cùng nói to, đúng, rõ ràng và trôi chảy câu đó thì đội của họ sẽ thắng cuộc.

- Sau trò chơi, GV nhận xét, khen đội thắng và hỏi: Theo em, để trở thành người thắng cuộc, các thành viên tham gia trò chơi cần tuân thủ điếu gì? Em rút ra bài học gì từ trò chơi?

- HS thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi.

* Sau khi HS trả lời câu hỏi, GV nhận xét và tồng kết: Để thắng trong cuộc thi, cần chú ý lắng nghe. Nếu không, chúng ta sẽ truyền đạt sai thông tin. Ngoài việc đem lại niềm vui, tiếng cười cho mọi người, trò chơi còn muốn nhắc nhở chúng ta cần phải thận trọng, trung thực khi phản ánh hay truyền đạt một thông tin nào đó.

*Cách 2:* Chia sẻ kinh nghiệm cá nhân

* GV hỏi: Có khi nào em nói không đúng hoặc nghe người khác nói không đúng về một điều gì đó? Khi ấy, em cảm thấy thế nào? Hãy chia sè cùng cả lớp.
* HS làm việc cá nhân: Suy nghĩ và chia sẻ trước lớp.
* Cả lớp lắng nghe, trao đổi vế những điều mà các bạn đã chia sè.
* GV nhận xét, kết luận.

2. Khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu thế nào là tôn trọng sự thật

1. *Mục tiêu:* HS trình bày được thế nào là tôn trọng sự thật.
2. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

* GV hướng dẫn HS tìm hiểu câu chuyện “Dù sao Trái Đất vẫn quay!” ở SGK bằng cách mời một HS đọc to, rõ ràng câu chuyện, cả lớp lắng nghe. Sau khi HS đọc xong câu chuyện, GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi theo cầu hỏi: Nhà bác học Ga-li-lê (Galilei) đã tôn trọng sự thật như thế nào?
* GV mời đại diện các nhóm trả lời. GV khen ngợi các bạn có cầu trả lời đúng và hay; chình sửa, bổ sung ý kiến đối với câu trả lời còn thiếu, đổng thời tổng kết ý kiến thông qua việc kết luận:

+ Sự thật mà Ga-li-lê bảo vệ là Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời chứ không phải Mặt Trời quay xung quanh Trái Đất. Ga-li-lê đã tôn trọng sự thật bằng cách tuyên bố: “Dù sao Trái Đất vẫn quay!”.

+ Tôn trọng sự thật là suy nghĩ, nói và làm theo đúng sự thật.

Lưu ý: Đê’ sinh động, hấp dẫn hơn, HS có thê’ xây dựng kịch bản, sắm vai thê’ hiện nội dưng câu chuyện.

* Bên cạnh đó, GV có thê’ phân tích, làm rõ thêm khái niệm *sự thật,* phân biệt với *dổi trá:* Sự thật là những gì có thật trong cuộc sống hoặc những điều phản ánh đúng hiện thực cuộc sống. Trái ngược với sự thật là dối trá. Dối trá là giả dối, nói sai, làm sai sự thật.

**Hoạt động 2: Tìm hiểu biểu hiện của tôn trọng sự thật**

1. *Mục tiêu:* HS nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật.
2. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

- GV hướng dẫn HS quan sát những hình ảnh và thông tin trong SGK, thảo luận đê’ tìm ra các biểu hiện của tôn trọng sự thật.



- GV nhận xét, đánh giá và kết luận: Biểu hiện của tôn trọng sự thật là suy nghĩ, nói và làm theo đúng sự thật.

Ngoài ra, GV yêu cầu HS kể thêm các biểu hiện của tôn trọng sự thật trong cuộc sống hằng ngày mà các em thực hiện hoặc biết.

**Hoạt động 3: Tìm hiểu ý nghĩa của việc tôn trọng sự thật**

1. *Mục tiêu:* HS giải thích được vì sao phải tôn trọng sự thật.
2. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

* GV hướng dẫn HS khai thác hội thoại bằng cách đọc/ sắm vai các nhân vật trong hội thoại: Người dẫn chuyện, Toàn, bố Toàn.
* HS thảo luận nhóm bốn (hoặc 1/2 lớp thảo luận câu 1,1/2 lớp thảo luận câu 2) để trả lời câu hỏi:

a/ Nêu suy nghĩ của em vế nội dung đoạn hội thoại.

b/ Theo em, việc tôn trọng sự thật có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống?

* GV nhận xét, kết luận:

a/ Đoạn hội thoại giúp chúng ta hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự thật trong cuộc sống, b/ Việc tôn trọng sự thật sẽ góp phần:

+ Bảo vệ cuộc sống, bảo vệ cho những điếu đúng đắn, tránh nhầm lẫn, oan sai;

+ Giúp con người tin tưởng, gắn kết với nhau hơn, cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn;

+ Khiến tâm hổn thoải mái, sức khoẻ tốt, bản thân đẹp hơn trong mắt mọi người.

**Hoạt động 4: Tìm hiểu cách tôn trọng sự thật**

1. *Mục tiêu:* HS biết cách tôn trọng sự thật có hiệu quả.
2. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

* GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm sắm vai một tình huống trong SGK.
* HS thảo luận nhóm, đưa ra cách xử lí tình huống và phân công sắm vai.

*Gợi ý:*

+ Tán thành với hành động của Vũ ở tình huống 1, Dũng ở tình huống 2, mẹ Dung ở tình huống 3.

* Tình huống 1: Vũ dũng cảm và khôn khéo khi tố cáo tên trộm với phụ xe buýt.
* Tình huống 2: Dũng thẳng thắn, chần thành và tế nhị khi khuyên bạn nhận lỗi và phản ánh sự thật với thầy giáo.
* Tình huống 3: Mẹ Dung tinh tế, khéo léo trong việc đáp lại lời mời.
* Không tán thành với hành động của nhân vật Nam ở tình huống 2 vì Nam đã không trung thực khi không dám nhận lỗi và còn đổ lỗi cho người khác; bạn Dung ở tình huống 3 vì: Dung chưa khéo léo, tế nhị khi nói sự thật.
* Lần lượt các nhóm lên sắm vai, GV khen ngợi các nhóm có cách xử lí đúng và kết luận: *Cẩn tôn trọng sự thật bắng thái độ dũng cảm, khéo léo, tinh tế và tấm lòng nhân ái,...*
* Kết thúc hoạt động Khám phá, GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học về biểu hiện,



ý nghĩa, cách tôn trọng sự thật và tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua phẩn chốt nội dung ở SGK nhằm giúp HS củng cố lại tri thức đã khám phá.

1. Luyện tập

* *) Mục tiêu:* HS củng cố những tri thức đã được khám phá và thực hành xử lí các tình huống cụ thể.
* *) Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

**1/** Thảo luận nhóm và đưa ra nhận xét vế hành động của các bạn Hoa và Mai.

* GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm để đưa ra nhận xét vế hành động của các nhân vật ở các trường hợp trong SGK.
* GV mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả; Các nhóm khác nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).
* GV đánh giá, khen ngợi hoặc chỉnh sửa các ý kiến và kết luận:

+ Trường hợp 1: Hoa chưa có phương pháp hiệu quả khi phản ánh sự thật với cô giáo. Các bạn không nên đòi thay lớp trưởng ngay mà trước hết cần khắc phục nhược điểm của bản thân và chân thành góp ý với Hoa.

+ Trường hợp 2: Mai đã biết cách tôn trọng sự thật bằng tấm lòng chân thành, cởi mở và thái độ khéo léo, tinh tế.

* GV khuyên HS nên học tập cách tôn trọng sự thật của bạn Mai.
* GV có thể mở rộng, yêu cẩu HS chia sẻ vế những việc làm của bản thân đã thực hiện thể hiện cách tôn trọng sự thật nhằm giúp các em hiểu rõ ý nghĩa của việc tôn trọng sự thật trong cuộc sống hằng ngày.

2/ Xử lí tình huống

* GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, sắm vai xử lí tình huống.
* HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm thảo luận một tình huống để đưa ra cách xử lí và phân công sắm vai.
* GV mời đại diện một số nhóm lên sắm vai. Các nhóm khác quan sát, lắng nghe, nhận xét nhóm bạn và bổ sung nếu cần.

*Gợi ý:*

* Tình huống 1: Hùng nên nói với cô giáo để cô có cách giúp đỡ Hà. Bản thân Hùng cũng tìm cách giúp đỡ Hà.
* Tình huống 2: Lan nên nói với người lớn và tránh tiếp xúc với người đàn ông đó.
* GV khen ngợi, tổng kết các cách xử lí đúng của HS.

1. Vận dụng
2. *Mục tiêu:* HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.
3. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

1/ Em hãy viết vế việc làm thể hiện tôn trọng sự thật hoặc chưa tôn trọng sự thật của bản thân theo gợi ý: Em đã làm gì để tôn trọng sự thật? Có khi nào em chưa tôn trọng sự thật? Em có suy nghĩ gì vê' điếu đó?



- HS viết ra những việc đã làm/ chưa làm để tôn trọng sự thật, suy nghĩ của bản thân về những điểu đó và trình bày trước lớp.

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

2/ Em hãy viết cảm nhận của mình vê' câu ca dao dưới đây:

Những người tính nết thật thà

Đi đâu cũng được người ta tin dùng.

GV hướng dẫn HS vế nhà viết cảm nhận vế câu ca dao và nộp bài vào tiết học sau. Ở tiết học sau, GV có thể chọn một số bài viết tốt để chia sẻ trước lớp. HS nhận xét, góp ý. GV nhận xét và chốt lại vấn đề.

ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI

Qua hỏi - đáp và quan sát thái độ, hành động của HS để đánh giá:

*ỉ/ Hoàn thành tốt:* Nêu được những biểu hiện cơ bản và ý nghĩa của việc tôn trọng sự thật; Nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm; Phê phán việc nói dối hoặc che giấu sự thật.

*2/ Hoàn thành:* Nêu được những biểu hiện, ý nghĩa của việc tôn trọng sự thật nhưng chưa đẩy đủ; Không có những lời nói, hành động thiếu tôn trọng sự thật.

3/ *Chưa hoàn thành:* Chưa thực hiện được các yêu cẩu theo mục tiêu bài học.

Bài 5: Tự LẬP

1111 iumimiiIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIII mill mill Hill Illi III IIIIIIIII III IIIIIIII III III III I III 11111III111III11IIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIII 11 III I IIIIII I III 11 IIIIIIIIIIII III I Illi mill IIIIIIIIIIIIIIIIIII tim IIIIIIIIIIII11II Illi Illi IIIIIIIIIIIIIII 11 III 1111III 11 III I IIIIII I III 11 IIIIII I III I IIIIII I III 11 IIIIIIIIIIII III III III III III IIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIIII IIIIIII11III III11IIIIIII III11IIIIIII IIIIIIIIIII III11IIIImIIIIIII11 III IIIIIIIIIIII IIIIIIIIII

**(3 tiết)**

IB MỤCTIÊU

*Sau bài học này, HS có thể:*

* Nêu được khái niệm tự lập.
* Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập.
* Hiểu vì sao phải tự lập.
* Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác.

-Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đổng; không dựa dẫm, ỷ lại và phụ thuộc vào người khác.

THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

* SGK, SGV, Bài tập Giáo dục công dân 6;
* Tranh ảnh, truyện, thơ, ca dao, tục ngữ, thành ngữ, trò chơi, những ví dụ thực tế,... gắn với bài “Tự lập”;
* Đổ dùng đơn giản để sắm vai;
* Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điếu kiện).

|Ej TIẾN TRÌNH DAY HỌC

1. Khởi động

* *) Mục tiêu:* Tạo hứng thú cho HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đẩu vế bài học mới. *b) Nội dung - TỔ chức thực hiện:* GV chọn một trong hai cách sau:

*Cách 1: TỔ chức trò chơi “Giải ô chữ"*

* GV hướng dẫn HS tìm hiểu vế 5 ô chữ hàng ngang để tìm ra từ chìa khoá ở hàng dọc. Ai tìm được từ chìa khoá nhanh nhất sẽ chiến thắng.
* Gợi ý: từ chìa khoá của trò chơi: Tự lập.

+ Hàng ngang số 1 gồm 7 chữ cái, chỉ thành tích nổi bật của HS hơn mức bình thường: *xuất sắc.*

+ Hàng ngang số 2 gồm 6 chữ cái, chỉ sự đổi lập với ỷ lại: *tự giác.*

+ Hàng ngang số 3 gồm 7 chữ cái, chỉ sự đổng nghĩa với làm việc: *lao động.*

+ Hàng ngang số 4 gổm 6 chữ cái, chỉ hoạt động chính của HS ở trường học: *học tập.*

+ Hàng ngang số 5 gồm 6 chữ cái, chỉ thái độ tôn trọng và đúng mực đối với người lớn tuổi: *lễ phép.*

- Sau khi chơi, GV yêu cầu HS chia sẻ những hiểu biết vê' từ chìa khoá “tự lập” và dẫn dắt vào bài học.

*Cách 2:* GV có thể khởi động bằng việc cho HS chia sẻ từ trải nghiệm của bản thân thông qua câu hỏi:

+ Trong cuộc sống hằng ngày, em thường tự làm lấy những việc gì? Cảm xúc của em như thế nào khi tự mình làm được những việc đó?

+ Những việc nào em thường không tự làm được mà phải nhờ sự giúp đỡ từ người thần? Vì sao em không làm được việc đó?

Sau khi HS chia sẻ theo nội dung các cầu hỏi trên, GV nhận xét và kết luận.

1. Khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu thế nào là tự lập

1. *Mục tiêu:* HS trình bày được thế nào là tự lập.
2. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu câu chuyện “Hai bàn tay” ở SGK bằng cách mời một HS đọc to, rõ ràng câu chuyện, cả lớp lắng nghe. Sau khi HS đọc câu chuyện, GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi theo câu hỏi: Vì sao Bác Hố quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước với hai bàn tay trắng?



- GV mời đại diện các nhóm trả lời. GV khen ngợi các bạn có câu trả lời đúng và hay; chỉnh sửa, bổ sung đối với cầu trả lời còn thiếu và kết luận: Việc Bác Hổ ra đi tìm đường cứu nước, dù chỉ với hai bàn tay trắng, thể hiện việc không sợ khó khăn, gian khổ, tự lập cao của Bác Hồ. Bác có lòng quyết tâm, hăng hái của tuổi trẻ, tin vào chính mình, sức lực của mình, có thể nuôi sống mình bằng hai bàn tay và để tìm đường cứu nước.

- GV tiếp tục cho HS thảo luận về một vài tấm gương tự lập có liên quan tới thực tế cuộc sống đê’ HS suy ngẫm và trả lời câu hỏi: Em hiểu thế nào là tự lập?

- GV mời từ hai đến ba HS phát biểu, HS khác chú ý lắng nghe, nhận xét và bổ sung. GV khen ngợi cầu trả lời đúng, chỉnh sửa các câu trả lời chưa đúng.

- GV kết luận: Tự lập là tự làm lấy, tự giải quyết công việc của mình; tự lo liệu, tạo dựng cho cuộc sống của mình; không trông chờ, dựa dẫm, phụ thuộc vào người khác. **Hoạt động 2: Tìm hiểu biểu hiện của tính tự lập**

1. *Mục tiêu:* HS nêu được các biểu hiện của tính tự lập.
2. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

- GV hướng dẫn HS quan sát ba bức tranh trong SGK, kết hợp với đọc thông tin và đặt một số câu hỏi để gợi ý HS tìm hiểu vê' biểu hiện của tự lập và trái với tự lập trong học tập và sinh hoạt:

+ Các bạn trong tranh đã tự làm được những việc gì? Bạn nào chưa tự làm được việc của mình?

+ Những việc làm đó có thê’ hiện tính tự lập không? Vì sao?

- Sau khi nghe HS chia sẻ ý kiến vế ba câu hỏi trên, GV cho HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: Em hãy nêu những biểu hiện của tính tự lập. Theo em, trái với tự lập là gì? - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bồ sung. GV kết luận:

*+ Những biểu hiện của tính tự lập:*

* Luôn tự tin;
* Luôn cố gắng khắc phục khó khăn đê’ tự giải quyết các vấn đế trong khả năng của mình;
* Luôn nỗ lực phấn đấu, vươn lên trong học tập, công việc và cuộc sống;
* Không trông chờ, dựa dẫm, ỷ lại vào người khác.

*+ Những biểu hiện trái với tính tự lập:*

* Lười biếng, hèn nhát;
* Luôn dựa dẫm, ỷ lại vào người khác;
* Đùn đẩy trách nhiệm, trốn tránh công việc;
* Không tự giác trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.

- Bên cạnh đó, GV nhấn mạnh những việc nên làm đê’ rèn luyện tính tự lập như: chăm chỉ; chủ động học hỏi những điều chưa biết; tích cực học tập, tham gia các hoạt động tập thể - xã hội;...

**Hoạt động 3: Tìm hiểu ý nghĩa của tự lập**

1. *Mục tiêu:* HS giải thích được ý nghĩa của tự lập.
2. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

* GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm nghiên cứu một trường hợp trong SGK và trả lời các câu hỏi.
* Trường hợp 1 với hai câu hỏi: a/ Hưng đã thê’ hiện tính tự lập như thế nào? b/ Tính tự lập đã đem lại điếu gì cho Hưng?
* Trường hợp 2 với câu hỏi: Tính tự lập của anh Luận đã mang lại điều gì cho anh và cho xã hội?
* GV mời đại diện các nhóm lên trình bày cầu trả lời của nhóm mình trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.
* GV nhận xét, kết luận.
* GV tiếp tục cho HS thảo luận theo nhóm đê’ trả lời câu hỏi: Ý nghĩa của tự lập đối với bản thân, gia đình và xã hội? Đối với hoạt động này, GV có thê’ hướng dẫn mỗi nhóm thảo luận vê' một nội dung và viết phương án trả lời trên khổ giấy A3.

+ Ý nghĩa của tự lập đối với bản thân.

+ Ý nghĩa của tự lập đối với gia đình.

+ Ý nghĩa của tự lập đối với xã hội.

* GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến.
* GV cùng HS kết luận:

+ Đối với bản thân:

* Giúp thành công trong cuộc sống và được mọi người tôn trọng;
* Có thêm kinh nghiệm sống, kinh nghiệm trong công việc;
* Rèn đức tính kiên trì, nhẫn nại để vượt lên mọi hoàn cảnh.

+ Đối với gia đình: Khi con biết tự lập, cha mẹ rất hạnh phúc vì thấy con mình trưởng thành, tự lo được cho bản thân. Mọi thành viên trong gia đình cũng yên tâm hơn khi mỗi cá nhân đều tự lo cho bản thần, không dựa dẫm, ỷ lại vào gia đình.

+ Đối với xã hội: Góp phần phát triển xã hội.

* Kết thúc hoạt động Khám phá, GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học vế biểu hiện, ý nghĩa của tự lập và tồng kết những nội dung chính của bài học thông qua phần chốt nội dung chính ở SGK nhằm giúp HS củng cố lại tri thức đã khám phá.

**3. Luyện tập**

1. *Mục tiêu:* HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lí tình huống cụ thể.
2. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

**1/** Em hãy nêu một số biểu hiện vê' tính tự lập và trái với tự lập trong học tập và trong sinh hoạt hằng ngày.

- GV tồ chức trò chơi: Chia lớp thành hai đội, một đội kê’biểu hiện của tự lập, một đội



kê’ biểu hiện trái với tự lập trong học tập và trong sinh hoạt hằng ngày, GV ghi lên bảng. Đội nào kể được nhiểu hơn và đúng là đội chiến thắng.

* Sau khi chơi, GV nhận xét, đánh giá vê' thái độ, tinh thần tham gia của mỗi đội và bồ sung thêm biểu hiện tự lập của HS nếu cần.
* GV kết luận:

+ Biểu hiện của tính tự lập trong học tập và sinh hoạt hằng ngày:

* Tự giác học bài, làm bài tập vê' nhà;
* Tự nghiên cứu, tìm tòi các phương pháp học tập tích cực;
* Tự chuẩn bị đổ dùng học tập, sách vở trước khi đến lớp;
* Khi gặp bài quá khó, cố gắng mà chưa tự làm được thì nhờ bạn bè, thầy, cô giáo giúp đỡ, giảng giải,...
* Thực hiện các việc tự chăm sóc bản thân như: tự dọn dẹp phòng của mình, tự giặt, gấp quần áo,...
* Tự mình đi học, nếu nhà gần trường thì đi bộ, nếu nhà xa trường thì đi xe đạp hoặc xe buýt, không phụ thuộc vào sự đưa đón của bố mẹ.
* Làm các việc nhà sau giờ học tập như: nấu cơm, rửa bát, dọn dẹp nhà cửa,...
* Chăm sóc và giúp đỡ em nhỏ.
* Tự giác tham gia các công việc ở trường như: trực nhật lớp, hoạt động tập thể,...

+ Biểu hiện trái với tự lập trong học tập và sinh hoạt hằng ngày:

* Lười biếng làm việc nhà, không làm bài tập được giao;
* Phụ thuộc, dựa dẫm, *ỷ* lại vào người thân, bạn bè;
* Đùn đẩy trách nhiệm, trốn tránh công việc;
* / Em hãy kê’ vê' hành vi ỷ lại, dựa dẫm và phụ thuộc vào người khác của HS trong cuộc sống, học tập. Em rút ra bài học gì từ những hành vi đó?
* GV có thể thiết kế thành phiếu học tập theo mẫu dưới đây, sau đó phát cho HS và yêu cầu HS liệt kê vào phiếu những hành vi *ỷ* lại, dựa dẫm và phụ thuộc vào người khác của HS trong cuộc sống và học tập.

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** | |
| Hành vi *ỷ* lại, dựa dẫm và phụ thuộc vào người khác trong học tập | Hành vi *ỳ* lại, dựa dẫm và phụ thuộc vào người khác trong sinh hoạt |
| 1. |  |
| 2. |  |
| 3. |  |
|  |  |



* Sau khi HS hoàn thành việc trả lời câu hỏi và điền phiếu, GV tổng hợp các ý kiến trên bảng hoặc giấy khổ lớn, yêu cầu HS bổ sung thêm nếu thấy chưa đầy đủ.
* GV giảng giải, phần tích để HS thấy được hậu quả của người sống ỷ lại, quen dựa dẫm là lười lao động, lười suy nghĩ, không đưa ra được quyết định trong những hoàn cảnh cần thiết. Từ đó, họ không làm chủ được cuộc đời, không có bản lĩnh, không có sự sáng tạo,... dễ gặp thất bại trong mọi việc. Họ trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội. GV cần định hướng để giúp các em rút ra bài học nhận thức và hành động: Các em cần học cách tự đứng trên đôi chân của mình, không được tự biến mình thành cây tầm gửi trong cuộc sống; Tích cực rèn luyện, trau dổi kiến thức, kĩ năng sống thật tốt để luôn là người có bản lĩnh, có chính kiến và chủ động đưa ra những quyết định tỉnh táo, sáng suốt trong mọi việc.

3/ Xử lí tình huống

* GV giao mỗi nhóm nghiên cứu một tình huống, phân chia nhân vật để sắm vai và xử lí tình huống.

*Gợi ỷ:*

* Tình huống 1: Các bạn chưa tự lập trong cuộc sống, phụ thuộc vào sự chăm sóc của bố mẹ. Các bạn nên nhờ người thân hướng dẫn hoặc tự tìm hiểu cách nấu ăn trên Internet và thực hành.
* Tình huống 2: An chưa tự lập, bạn nên tự đi học bằng xe đạp hoặc đi bộ.
* Các nhóm thảo luận, đưa ra cách xử lí tình huống và phân công sắm vai.
* GV mời đại diện từng nhóm lên sắm vai, các nhóm khác quan sát, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).
* GV khen ngợi các nhóm có cách xử lí đúng, chỉnh sửa cách xử lí chưa đúng.

4. Vận dụng

1. *Mục tiêu:* HS vận dụng những kiến thức của bài học vào thực tiễn cuộc sống.
2. *Nội dung - TỔ chức thực hiện:*

*ỉ/* Em hãy lập và thực hiện kế hoạch rèn luyện tính tự lập của bản thân theo gợi ý sau: các lĩnh vực rèn luyện; công việc thực hiện; biện pháp thực hiện; kết quả rèn luyện.

* GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động này ở nhà nếu thời gian trên lớp không đủ và viết báo cáo nộp vào buổi học ngày hôm sau. Hoặc cũng có thể giao bài tập vận dụng này theo nhóm HS.
* GV đưa ra một vài gợi ý để giúp HS hình dung được các nội dung chính cần thực hiện để rèn luyện tính tự lập theo bảng mẫu sau: